



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

19

Tháng 10 - 2020

BỘ XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2020



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại hội nghị



Toàn cảnh hội nghị

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT

19

SỐ 19 - 10/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 6
- Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 10
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 11
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu 12

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

BẠCH MINH TUẤN

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu các Dự án sự nghiệp kinh tế do Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản thực hiện 17
- Bộ Xây dựng: Tăng cường công tác quản lý chất lượng cột điện bê tông cốt thép ly tâm 18
- Hội thảo “Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy cho nhà, công trình; QCVN 04:2019/BXD nhà chung cư và các QCVN liên quan khác” 19
- Hội thảo “Phát triển nông nghiệp đô thị tại Hà Nội theo hướng phát triển bền vững” 21
- Sử dụng tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp 23
- Thực tiễn thế giới về quản lý rác thải 27
- Gỡ cải tiến có thể giúp các thành phố đạt được mục tiêu phát triển bền vững 30

Thông tin

- Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng 33
- Bộ Xây dựng thẩm định đề án nâng loại đô thị của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu 35
- Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Phú Quốc đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 36
- Trung Quốc: Làm sao sử dụng tốt Quỹ Tiết Kiệm nhà ở trong thời đại mới 38
- Kinh nghiệm thế giới trong thiết kế, xây dựng và vận hành các trung tâm chăm sóc sức khỏe 42



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 04 tháng 10 năm 2020, Chính phủ đã có Quyết định số 143/NQ-CP phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là quy hoạch tổng thể quốc gia).

b) Thời kỳ quy hoạch: quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Ranh giới quy hoạch: toàn bộ lãnh thổ đất liền, các đảo, quần đảo, lòng đất, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Mục tiêu, Quan điểm và nguyên tắc lập quy hoạch

a) Mục tiêu lập quy hoạch

- Là công cụ quản lý của nhà nước trong việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội, nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực của quốc gia để phát triển đất nước nhanh và bền vững; là cơ sở để lập quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia và là căn cứ để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công 5 năm và hằng năm.

- Đề xuất các quan điểm, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 hướng tới phát triển bền vững trên các lĩnh vực: kinh tế - xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng không gian phát triển quốc gia trên cơ sở kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng, gắn

với khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, phát triển các ngành, các vùng.

b) Quan điểm và nguyên tắc lập quy hoạch

- Bảo đảm tuân thủ nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch.

- Quy hoạch tổng thể quốc gia phải phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quy hoạch tổng thể quốc gia phải mang tính định hướng cao, xác định việc phân bổ và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường mang tính chiến lược trên lãnh thổ quốc gia, có tầm quan trọng cấp quốc gia và có tính liên vùng.

- Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với ổn định xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, thiên nhiên.

- Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước; khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa cơ quan lập quy hoạch và cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch, thực hiện đúng

quy trình lập quy hoạch tổng thể quốc gia.

3. Nội dung chính của quy hoạch

Nội dung chính của quy hoạch tổng thể quốc gia được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, bao gồm:

a) Phân tích các yếu tố, điều kiện phát triển, hiện trạng phát triển quốc gia: các phân tích, đánh giá phải bảo đảm xác định và đo lường được tác động của các yếu tố, điều kiện phát triển, hiện trạng phát triển quốc gia.

b) Dự báo xu thế phát triển và xây dựng kịch bản phát triển: các phân tích, đánh giá phải bảo đảm xác định được các xu thế có ảnh hưởng hay tác động trực tiếp, gián tiếp đến định hướng và không gian phát triển của quốc gia.

c) Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển:

- Quan điểm về phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;

- Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Xây dựng mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể về phát triển quốc gia.

d) Định hướng phát triển không gian kinh tế -

xã hội: Xác định các vùng trọng điểm đầu tư, vùng khuyến khích phát triển và vùng hạn chế phát triển; các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, cấm khai thác sử dụng; định hướng phân bố không gian phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

đ) Định hướng phát triển không gian biển.

e) Định hướng sử dụng đất quốc gia.

g) Định hướng khai thác và sử dụng vùng trời.

h) Định hướng phân vùng và liên kết vùng.

i) Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

k) Định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia.

l) Định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia.

m) Định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia.

n) Định hướng bảo vệ môi trường.

o) Định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

p) Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện.

q) Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1422/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ thành phố Nam Định hiện nay (diện tích 46,41 km²); huyện Mỹ Lộc (74,49 km²); 3 xã Đại An, Thành Lợi và Tân Thành của huyện Vụ Bản (26,48 km²) và 5 xã: Nam Mỹ, Nam Toàn, Hồng Quang, Điền Xá và Nghĩa An của huyện Nam Trực (40,6 km²), với tổng diện tích khoảng

187,99 km². Ranh giới khu vực quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp tỉnh Hà Nam;
- Phía Tây giáp phần còn lại của huyện Vụ Bản;
- Phía Nam giáp phần còn lại của huyện Vụ Bản và Nam Trực;
- Phía Đông giáp tỉnh Thái Bình.

2. Định hướng phát triển không gian

a) Mô hình và cấu trúc phát triển đô thị

Thành phố phát triển theo mô hình đa cực, lấy sông Đào và đô thị trung tâm hiện hữu làm trung tâm kết nối, hướng phát triển đô thị về hướng Tây Bắc và Đông Nam theo hành lang trục quốc lộ 21B và đường vành đai 2 mới, với 3 vùng phát triển như sau:

- Vùng phát triển đô thị trung tâm hiện hữu với chức năng là trung tâm hành chính, thương mại, văn hóa của tỉnh và thành phố gắn với phát triển không gian đô thị hiện hữu Nam Định.
- Vùng phát triển đô thị về phía Tây và Tây Bắc gắn với hệ sinh thái tự nhiên huyện Mỹ Lộc, với chức năng đô thị thông minh, với các trung tâm giáo dục, thể dục thể thao cấp vùng gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại.
- Vùng phát triển phía Đông Nam với chức năng đô thị dịch vụ, du lịch, vùng bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái tự nhiên gắn với các dịch vụ hỗ trợ thành phố Nam Định.

b) Phân khu vực phát triển. Không gian thành phố Nam Định được chia thành 08 khu vực, cụ thể như sau:

- Khu số 1: khu trung tâm đô thị hiện hữu: Tổng diện tích khoảng 494 ha, dân số đến năm 2040 khoảng 92.630 người. Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục cấp tỉnh, các không gian văn hóa tâm linh, đô thị lịch sử với các hoạt động thương mại dịch vụ truyền thống.
- Khu số 2: khu vực phát triển đan xen phía Nam vành đai 1 (quốc lộ 10): Tổng diện tích khoảng 1.710 ha, dân số đến năm 2040 khoảng 141.700 người, là khu vực phát triển các khu đô thị mới gắn với trung tâm hành chính

mới của thành phố, trung tâm y tế, thể dục thể thao, đào tạo, thương mại dịch vụ.

- Khu số 3: khu đô thị dịch vụ, thương mại phía Tây Bắc thành phố: Tổng diện tích khoảng 3.066 ha, dân số đến năm 2040 khoảng 101.060 người, là khu đô thị mới gắn với dịch vụ, thương mại, đào tạo, du lịch và văn hóa lịch sử cấp quốc gia.

- Khu số 4: khu trung tâm cửa ngõ phía Tây đường vành đai 1: Tổng diện tích khoảng 2.340 ha, dân số đến năm 2040 khoảng 46.170 người, là khu vực cửa ngõ phía Tây với các chức năng phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, logistic, đầu mối hạ tầng kỹ thuật, giao thông đường bộ, đường sắt.

- Khu số 5: khu vực phát triển đô thị mới Nam Sông Đào: Tổng diện tích khoảng 2.463 ha, dân số đến năm 2040 khoảng 109.140 người, là khu vực phát triển đô thị mới phía Nam gắn với chức năng đô thị thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái phía Nam sông Đào.

- Khu số 6: khu công nghiệp, dịch vụ, dân cư phía Tây thành phố: Tổng diện tích khoảng 2.356 ha, dân số đến năm 2040 khoảng 30.200 người, là khu vực phát triển công nghiệp dịch vụ gắn với dân cư hiện hữu, phát triển dịch vụ nhà ở và các tiện ích đô thị dọc trục quốc lộ 21 và quốc lộ 21B.

- Khu số 7: khu làng xóm hiện hữu gắn với nông nghiệp sinh thái, thể dục thể thao phía Nam sông Châu Giang: Tổng diện tích khoảng 2.336ha, dân số đến năm 2040 khoảng 33.500 người, là khu vực xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao vui chơi giải trí, cụm công nghiệp, bảo vệ cảnh quan làng xóm hiện hữu, vùng canh tác nông nghiệp, vùng sinh thái ven sông Hồng và sông Châu Giang.

- Khu số 8: khu làng xóm hiện hữu gắn với nông nghiệp sinh thái phía Nam thành phố: Tổng diện tích khoảng 4.034ha, dân số đến năm 2040 khoảng 45.600 người, là các điểm dân cư tập trung và dịch vụ tại trung tâm đầu mối hạ tầng kỹ thuật vành đai 2 các xã thuộc

huyện Nam Trực.

c) Định hướng phát triển các khu dân cư:

- Khu dân cư trong khu trung tâm đô thị hiện hữu: duy trì cấu trúc hiện có, tăng cường cây xanh. Xây dựng công trình hỗn hợp, dịch vụ công cộng, công viên cây xanh trên cơ sở tái sử dụng quỹ đất. Nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Khu dân cư phát triển đan xen phía Nam vành đai 1 (quốc lộ 10): hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các khu vực dự án đang triển khai. Bố trí một số điểm công trình hỗn hợp, chung cư, nhà ở xã hội cao tầng làm điểm nhấn cho khu vực.

- Khu dân cư phía Bắc đường vành đai 1 (quốc lộ 10): là khu dân cư mới hình thành trên cơ sở phát triển các dịch vụ thương mại hậu cần phục vụ cho khu công nghiệp Mỹ Trung. Các loại hình nhà ở chủ yếu là nhà ở liền kề, nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, nhà ở công nhân.

- Khu dân cư phía Tây Bắc thành phố: hình thành trên cơ sở phát triển các loại hình dịch vụ thương mại hậu cần cho các trung tâm đào tạo, dịch vụ thể thao vui chơi giải trí. Mô hình nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, ký túc xá sinh viên, nhà ở cho chuyên gia, nhà biệt thự, hỗn hợp ở thương mại dịch vụ.

- Khu dân cư đô thị mới phía Nam sông Đào: phát triển gắn với dịch vụ thương mại ven đường đai 1 và trục đường trung tâm kết nối với khu trung tâm đô thị hiện hữu.

- Các khu dân cư làng xóm ngoại thành: cải tạo và phát triển các khu dân cư trên nền cảnh quan nông nghiệp và tôn trọng cấu trúc tự nhiên.

d) Hệ thống trung tâm.

- Trung tâm hành chính: trung tâm hành chính tỉnh cải tạo nâng cấp trên cơ sở hiện trạng. Trung tâm hành chính thành phố xây dựng mới tại Khu đô thị Thống Nhất, quy mô khoảng 1,1 ha.

- Trung tâm văn hóa: trung tâm văn hóa cấp đô thị xây mới tại khu vực tại khu đô thị mới

Nam sông Đào và khu đô thị mới Tây Bắc. Cải tạo và hoàn thiện mạng lưới công trình văn hóa tại các khu đô thị.

- Trung tâm giáo dục đào tạo: trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng xây mới tại khu vực đô thị mới phía Tây quy mô khoảng 120ha. Nâng cấp cải tạo các trường đại học, cao đẳng hiện hữu và khu vực phía Nam sông Đào. Cải tạo nâng cấp 14 trường trung học phổ thông hiện trạng, xây dựng mới trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong và bổ sung 06 trường trung học phổ thông.

- Trung tâm y tế: xây dựng bệnh viện đa khoa tỉnh tại khu đô thị Mỹ Trung quy mô 700 giường, diện tích 9,25ha. Xây dựng 01 trung tâm y tế cấp đô thị tại khu vực Nam sông Đào, quy mô khoảng 4 ha. Xây dựng bổ sung các trung tâm y tế theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố theo từng giai đoạn.

- Trung tâm thương mại dịch vụ: xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm cấp tỉnh tại khu vực Nam sông Đào, duy trì các trung tâm thương mại hiện có của thành phố. Xây dựng các trung tâm thương mại dịch vụ cấp khu vực bố trí dọc theo các tuyến đường chính, cải tạo, nâng cấp và phát triển chợ truyền thống tại các khu dân cư hiện hữu.

- Trung tâm thể dục thể thao: trung tâm thể dục thể thao tỉnh (phường Lộc Vượng): quy mô khoảng 6,7ha. Trung tâm thể dục thể thao hiện hữu (phường Vị Hoàng): quy mô khoảng 3,4ha. Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị tại khu vực Nam sông Đào quy mô khoảng 16 ha và khu đô thị mới Tây Bắc thành phố quy mô khoảng 15 ha. Hoàn thiện, cải tạo nâng cấp các công trình thể dục thể thao hiện có.

- Hệ thống công viên, cây xanh thể dục thể thao và khu vực ven sông:

Cải tạo chỉnh trang các khu công viên hiện có. Xây dựng công viên tri thức tại Khu đô thị dịch vụ phía Tây Bắc khoảng 30ha, công viên văn hóa thể thao Nam sông Đào khoảng 30ha, khu công viên cây xanh chuyên đề (sân golf) tại khu

vực phía Bắc đường vành đai 2 khoảng 170ha.

Khu vực ven sông Đào: Bảo vệ hành lang thoát lũ và đê ven sông Đào và sông Hồng, khuyến khích di dời các công trình để dành quỹ đất cho cây xanh cảnh quan và thương mại, du lịch, dịch vụ công cộng, cải tạo chỉnh trang các công trình hiện hữu không vi phạm các quy định về đê điều và thoát lũ, các khu vực không thuộc hành lang thoát lũ và bảo vệ đê điều được đầu tư xây dựng dịch vụ thương mại du lịch tạo điểm nhấn mới cho thành phố.

- Các khu vực di tích lịch sử:

Bảo tồn tôn tạo và khai thác phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cũng như các khu vực có giá trị về kiến trúc cảnh quan, đặc biệt là các khu vực như: khu di tích lịch sử Đền Trần - Chùa Tháp, khu vực cột cờ, khu vực nhà thờ lớn, nhà thờ Khoái Đồng,... Giải pháp bảo tồn, tôn tạo và khai thác di sản cần được nghiên cứu và đề xuất phù hợp với từng công trình, khu vực cụ thể.

đ) Định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn

Các khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, cần tuân thủ các định hướng quy hoạch chung thành phố, bảo tồn các cấu trúc làng xóm hiện hữu có giá trị, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Phát huy hiệu quả các quỹ đất nông nghiệp đảm bảo thủy lợi, thoát nước, ổn định sản xuất trong quá trình đô thị hóa. Phát triển làng nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái và du lịch nông nghiệp.

e) Định hướng khu, cụm công nghiệp, kho bãi, logistic:

- Các khu công nghiệp gồm: khu công nghiệp Hòa Xá, khu công nghiệp Mỹ Trung và khu công nghiệp Mỹ Thuận, tổng quy mô khoảng 636,17ha.

- Các cụm công nghiệp: hiện hữu gồm cụm công nghiệp An Xá, cụm công nghiệp Mỹ Tân và cụm công nghiệp Mỹ Thắng, tổng quy mô khoảng 155,1ha; quy hoạch mới: cụm công nghiệp Mỹ Thuận, cụm công nghiệp Đại An và cụm công nghiệp Tân Thành, quy mô mỗi cụm khoảng 70ha.

- Kho bãi, logistic: quy hoạch mới tại khu vực Mỹ Lộc - Mỹ Thịnh gắn với ga đường sắt, quy mô khoảng 100ha.

3. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quốc lộ, đường tỉnh phù hợp với quy hoạch giao thông.

- Hoàn thiện và duy tu các tuyến đê, cống tiêu dưới đê.

- Định hướng quy hoạch cao độ nền xây dựng: đối với những khu vực đã xây dựng ổn định: Giữ nguyên cao độ nền hoặc chỉ san nền cục bộ phù hợp với hiện trạng, không làm ảnh hưởng đến thoát nước mặt của khu vực. Đối với khu vực xây dựng mới: Bờ Tả sông Đào Hxdmin lớn hơn hoặc bằng +2,5m, bờ Hữu sông Đào Hxdmin lớn hơn hoặc bằng +2,8m.

- Định hướng quy hoạch thoát nước mặt: xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng cho khu vực xây dựng mới và hệ thống thoát nước nửa riêng đối với những khu vực hiện trạng cải tạo. Mạng lưới: Thu gom hệ thống thoát nước mặt theo 8 lưu vực thoát ra các kênh mương hở, hồ điều hòa, trạm bơm tiêu trước khi thoát ra sông Hồng, sông Đào, sông Châu Giang.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1526/QĐ-TTg thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: tổ chức thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định: Hội đồng thẩm định bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng.

b) Thành viên Hội đồng:

- Đại diện Bộ Ngoại giao;
- Đại diện Bộ Quốc phòng;
- Đại diện Bộ Công an;
- Đại diện Văn phòng Chính phủ;
- Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đại diện Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Đại diện Bộ Xây dựng;
- Đại diện Bộ Nội vụ;
- Đại diện Bộ Tài chính;
- Đại diện Bộ Giao thông vận tải;
- Đại diện Bộ Công Thương;
- Đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Đại diện Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Đại diện Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Đại diện Bộ Tư pháp;
- Đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đại diện Bộ Y tế;
- Đại diện Ủy ban Dân tộc;
- Ủy viên phản biện là tổ chức tư vấn hoặc

chuyên gia về quy hoạch am hiểu về điều kiện của vùng do Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, lựa chọn.

Các bộ, cơ quan ngang bộ có thành viên tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có trách nhiệm cử đại diện lãnh đạo bộ khác với đại diện tham gia Hội đồng quy hoạch quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2018.

3. Hoạt động của Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định hoạt động theo quy định tại Điều 33, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và tự giải thể sau khi quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; được sử dụng con dấu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình hoạt động.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định: được bố trí trong chi phí lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1532/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông là quy hoạch quốc gia có xét đến kết nối quốc tế, định hướng phát triển đồng bộ với hạ tầng thông tin và truyền thông các địa phương, bao gồm hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và phát thanh truyền hình.

Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch: là toàn bộ lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam bao gồm: đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời bao gồm: không phận, vị trí quỹ đạo vệ tinh mà Việt Nam có chủ quyền.

Quan điểm lập quy hoạch: lập quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm cụ thể hóa chiến lược của Đảng; phù hợp với xu hướng chung của thế giới và điều kiện cụ thể của Việt Nam; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan đến hạ tầng thông tin và truyền thông; Tuân thủ theo quy định của Luật Quy hoạch, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; Lập quy hoạch theo hướng phát triển bền vững, hợp lý và hài hòa giữa phát triển các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước.

Mục tiêu lập quy hoạch: góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia đồng thời bảo đảm khả

năng thông suốt về hạ tầng thông tin và truyền thông trong hội nhập quốc tế; nâng cao năng lực cạnh tranh lãnh thổ của quốc gia, tạo dựng sự phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng và địa phương, giảm sự bất bình đẳng giữa các vùng, miền; bảo đảm khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của quốc gia, vùng, địa phương và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại...

Việc lập quy hoạch dựa trên nguyên tắc bền vững và dài hạn, bảo đảm lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

Lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm cụ thể hóa chiến lược của Đảng phù hợp với xu hướng chung của thế giới và điều kiện cụ thể Việt Nam; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan đến hạ tầng thông tin và truyền thông.

Nội dung lập quy hoạch: thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch gồm các nội dung chủ yếu: Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; đánh giá thực trạng hạ tầng thông tin và truyền thông; dự báo phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trong thời kỳ quy hoạch...

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 8/10/2020.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1286/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu.

Những nhiệm vụ chủ yếu

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định EVFTA và thị trường của các nước tham gia Hiệp định EVFTA

a) Tăng cường phổ biến về Hiệp định EVFTA cho các đối tượng có liên quan (các đơn vị thuộc Bộ, các doanh nghiệp, các hiệp hội xây dựng...) thông qua các phương tiện truyền thông, trang thông tin điện tử, các lớp tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực thi hiệu quả Hiệp định EVFTA.

b) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để toàn xã hội nắm bắt kịp thời, chính xác các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, sự điều hành của Chính phủ trong lĩnh vực xây dựng; tuyên truyền sâu rộng để toàn xã hội, nhất là người dân và doanh nghiệp trong và ngoài nước hiểu rõ về hệ thống thể chế chính sách, pháp luật, các quy định mới trong lĩnh vực xây dựng và tình hình triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng

c) Thiết lập đầu mối thông tin về Hiệp định EVFTA nói riêng và các hiệp định thương mại tự do (FTA) nói chung tại Bộ Xây dựng để cung cấp thông tin, hướng dẫn và làm rõ các nội dung cam kết và các vấn đề có liên quan đến Hiệp định EVFTA và các FTA mà Việt Nam nói chung và Bộ Xây dựng nói riêng tham gia.

d) Tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí trong và ngoài ngành để thực hiện

tuyên truyền; cung cấp và xử lý thông tin về các hoạt động đối ngoại của Bộ nhằm định hướng thông tin kịp thời, đặc biệt đối với những sự kiện, vấn đề dư luận xã hội, báo chí quan tâm.

2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

a) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ khác của Việt Nam nói chung và ngành xây dựng nói riêng khi tham gia Hiệp định EVFTA.

b) Tổ chức thực hiện tốt các cam kết rõ ràng, chi tiết được quy định trong Phụ lục 2 của Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 8 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định EVFTA và các văn kiện có liên quan.

c) Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để chủ động thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngành đảm bảo phù hợp với Hiệp định EVFTA.

d) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật ngành xây dựng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng, bảo đảm chất lượng công trình, chống thất thoát lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

đ) Đảm bảo việc thực hiện cơ chế tham vấn, lấy ý kiến các đối tượng có liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật; tổ chức hướng dẫn thực thi pháp luật sau khi ban hành.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực

a) Tiếp tục bám sát các tiêu chí đánh giá, mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020, và Quyết

định số 58/QĐ-BXD ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP của Chính phủ.

b) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận, giải quyết tất cả các thủ tục hành chính tại Bộ; đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ.

c) Các cơ sở đào tạo dạy nghề và đào tạo của Bộ Xây dựng tiếp tục đẩy mạnh việc dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh xây dựng.

d) Xây dựng và ứng dụng các biện pháp kỹ thuật thi công (tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, xuất xứ, bảo vệ môi trường,...) phù hợp với các cam kết quốc tế để hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp, sản phẩm Việt Nam, và bảo vệ người tiêu dùng.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình theo Quyết định số 2500/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ

e) Tăng cường các biện pháp, cơ chế khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp nước ngoài, có vốn đầu tư nước ngoài kết nối với doanh nghiệp trong nước để tận dụng, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, triển khai biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp.

g) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kỹ thuật - xây dựng.

h) Tiến hành đánh giá định lượng những tác động của Hiệp định EVFTA đối với các ngành xây dựng để từ đó đề xuất các biện pháp cụ thể trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh.

4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

b) Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các tổ chức công đoàn để đề xuất các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm củng cố, nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và các tổ chức công đoàn cơ sở; phối hợp với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam hoàn thiện Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, chế xuất”

c) Phối hợp tốt giữa các cơ quan có liên quan để quản lý có hiệu quả sự hình thành, hoạt động của tổ chức người lao động theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với các nguyên tắc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), hoạt động không vì mục đích chính trị. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, giữ vững ổn định an ninh, chính trị, tạo điều kiện để doanh nghiệp kinh doanh ổn định, thành công.

d) Kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan Bộ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ có chức năng quản lý việc thành lập và hoạt động của các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp.

5. Tạo chuyển biến rõ nét và thực chất trong cơ cấu lại ngành Xây dựng gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ngành Xây dựng

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả và bảo đảm tiến độ các nhiệm vụ tại các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết Quốc

hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020; Đề án Tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2014 - 2020 theo Quyết định số 134/QĐ-TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng của Ngành; chú trọng nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, khoa học quản lý, quản trị doanh nghiệp.

c) Tiếp tục thực hiện tốt việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là hoàn thành công tác cổ phần hóa Tổng công ty Xi măng Việt Nam (Vicem), Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD); thực hiện thoái

vốn nhà nước theo đúng quy định tại Quyết định số 908/QĐ/TTg ngày 19/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước, thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020”.

d) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng vùng; đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng và giữa các địa phương trong việc huy động các nguồn lực, đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, UBND tỉnh Bạc Liêu đã có Quy định số 27/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cung

cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

- Các đối tượng có trách nhiệm phối hợp, báo cáo theo Quy chế này bao gồm: Sở Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tư pháp; Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Chủ đầu tư dự án bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; Tổ chức hành nghề công chứng; Công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản và các cá nhân hành nghề môi giới bất động sản.

3. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu

- Sàn giao dịch bất động sản; Tổ chức kinh

doanh dịch vụ môi giới bất động sản; Tổ chức hành nghề công chứng; Công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản và các cá nhân hành nghề môi giới bất động sản: Định kỳ hàng tháng cung cấp các thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch bất động sản gồm: Thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản đối với căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền để ở, văn phòng, mặt bằng thương mại, dịch vụ đã bán, cho thuê trong kỳ theo Biểu mẫu số 1, 2, 3 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

- Chủ đầu tư dự án bất động sản (không phân biệt nguồn vốn đầu tư):

+ Định kỳ hàng tháng cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch bất động sản tại các dự án phát triển nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp; dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê; dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và tình hình bán, cho thuê mua nhà ở tại các dự án cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

+ Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình triển khai đầu tư xây dựng các dự án phát triển nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp; dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê; dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn theo Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo.

+ Báo cáo thông tin về dự án phát triển nhà ở; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp; dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án

trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê; dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn theo Biểu mẫu số 7a, 7b, 7c, 7d ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng chậm nhất 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt dự án và khi có quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).

- Sở Tư pháp: Định kỳ hàng tháng cung cấp thông tin, dữ liệu về lượng giao dịch bất động sản bán qua công chứng, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng đối với căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền để ở, văn phòng cho thuê, mặt bằng thương mại, dịch vụ theo Biểu mẫu số 6 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

- Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại các huyện, thành phố đối với đất nền, nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư theo Biểu mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo.

+ Định kỳ 6 tháng cung cấp thông tin, dữ liệu về cơ cấu sử dụng đất ở theo quy hoạch và cơ cấu sử dụng đất ở đã triển khai thực hiện đầu tư xây dựng tại các huyện, thành phố theo Biểu mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Định kỳ 6 tháng cung cấp thông tin, dữ liệu về số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản có đăng ký ngành nghề kinh doanh đầu tư xây dựng, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản và dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản theo Biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo.

4. Nguyên tắc phối hợp xây dựng, duy trì

hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu

- Việc phối hợp phải kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất và thường xuyên.

- Thông tin, dữ liệu cung cấp phải đầy đủ, chính xác, đúng theo biểu mẫu và thời hạn quy định trong Quy chế.

- Không được lợi dụng việc cung cấp thông tin để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin trái với quy định của pháp luật.

5. Hình thức cung cấp thông tin, dữ liệu

- Gửi thông tin, dữ liệu bằng văn bản và văn bản đó phải được xác nhận của người có thẩm quyền của đơn vị (đóng dấu đỏ hoặc sử dụng chữ ký số) kèm tệp dữ liệu (file). Riêng các thông tin được cung cấp theo biểu mẫu quy định thì tệp dữ liệu theo dạng dữ liệu excel về Sở Xây dựng, đường Nguyễn Tất Thành, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Gửi thông tin, dữ liệu qua Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa chỉ <http://bds.xaydung.gov.vn> (do Sở Xây dựng

tập huấn và cấp tài khoản sử dụng).

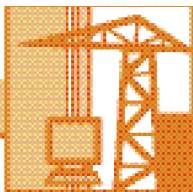
6. Việc phối hợp kiểm tra thông tin, dữ liệu

- Sau khi nhận được thông tin, dữ liệu do các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân cung cấp, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, xử lý thông tin, dữ liệu để tích hợp và lưu trữ vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

- Trường hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp không thống nhất, mâu thuẫn, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị thì Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp thông tin để làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2020.

Xem toàn văn tại (www.baclieu.gov.vn)



Nghiệm thu các Dự án sự nghiệp kinh tế do Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản thực hiện

Ngày 1/10/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu hai Dự án sự nghiệp kinh tế do Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản thực hiện - “Điều tra khảo sát thực trạng nhà và nhu cầu về nhà ở thương mại giá thấp tại khu vực đô thị, khu công nghiệp nhằm đề xuất cơ chế chính sách, mô hình hợp lý để huy động các nguồn lực đẩy mạnh phát triển nhà ở thương mại giá thấp” và “Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và nhu cầu về nhà ở cho thuê tại một số địa phương trọng điểm làm cơ sở hoàn thiện chính sách khuyến khích xây dựng và quản lý nhà ở cho thuê”. Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính Lê Đông Thành, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Trình bày sự cần thiết của hai dự án, thay mặt nhóm nghiên cứu, bà Phạm Thị Thu Hà cho biết: phát triển nhà ở là một trong những nội dung quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế xã hội của Đảng, Nhà nước. Những năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển thị trường nhà ở và hỗ trợ về nhà ở dành cho nhiều đối tượng, trong đó có người lao động thu nhập thấp ở đô thị và công nhân các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Để thực hiện hai dự án, nhóm nghiên cứu đã tham khảo, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về lĩnh vực nhà ở của nhiều nước tiên tiến trên thế giới và một số nước trong khu vực Đông Nam Á, đồng thời tiến hành thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo từ các địa phương kết hợp điều tra, khảo sát thực tế thị trường nhà ở thương mại giá thấp, nhà ở cho thuê tại khu vực đô thị, khu công nghiệp các thành phố lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thái Bình, Quảng Ninh, Bình Dương.

Trong nội dung Báo cáo tổng kết hai dự án, bên cạnh việc phân tích tổng quan thực trạng thị trường nhà ở thương mại giá thấp và nhà ở cho



Toàn cảnh cuộc họp

thuê tại khu vực đô thị, khu công nghiệp, nhóm nghiên cứu cũng nêu những khó khăn, bất cập, vướng mắc trong quá trình phát triển hai loại nhà này ở Việt Nam; đề xuất các phương án, giải pháp tháo gỡ. Các đề xuất này đặc biệt chú trọng việc điều chỉnh, bổ sung, đổi mới chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực sử dụng đất, ưu đãi thuế, thiết kế tối ưu hóa công năng công trình. Cụ thể, nhóm kiến nghị Bộ Xây dựng có báo cáo và đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản yêu cầu UBND các tỉnh chỉ đạo tiếp tục xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2030, Kế hoạch phát triển nhà ở 2020 - 2025 phù hợp với giai đoạn xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, đồng thời có giải pháp phù hợp và hiệu quả để phát triển nhà ở, nhất là nhà ở xã hội trên phạm vi cả nước. Ngoài ra, nhóm kiến nghị Bộ Xây dựng tăng cường đôn đốc các địa phương tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh. Nhà nước cần có các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tích cực tham gia phát triển nhà ở xã hội nhằm

đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân có thu nhập thấp tại các khu vực đô thị.

Đồng tình với việc cần thiết khảo sát thực trạng nhà ở, nhu cầu về nhà thương mại giá thấp và nhu cầu về nhà ở cho thuê tại khu vực đô thị, khu công nghiệp một số địa phương trọng điểm để làm cơ sở hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển và quản lý nhà ở, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng đã đánh giá cao nỗ lực của nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện hai dự án. Theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, hoàn thành đầy đủ sản phẩm hai dự án theo hợp đồng đã ký. Hai

Báo cáo tổng kết đều có hàm lượng thông tin đa dạng, phong phú, trình bày hợp logic.

Để nâng cao chất lượng hai Báo cáo tổng kết, Hội đồng đề nghị nhóm nghiên cứu rà soát, biên tập đảm bảo nội dung báo cáo ngắn gọn, súc tích hơn, tránh sai sót, sớm hoàn thiện các sản phẩm của cả hai dự án, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu hai Dự án với kết quả đều đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Bộ Xây dựng: Tăng cường công tác quản lý chất lượng cột điện bê tông cốt thép ly tâm

Căn cứ kết quả kiểm tra công tác phòng chống thiên tai của Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai Bộ Xây dựng và báo cáo về hậu quả các cơn bão trong những năm vừa qua của một số địa phương, từ năm 2018, Bộ Xây dựng đã giao Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (Cục Giám định) – cơ quan thường trực phòng chống thiên tai của Bộ Xây dựng, phối hợp với các đơn vị chức năng trong và ngoài Bộ tổ chức nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân hư hỏng cột điện BTCT ly tâm do gió bão trong thời gian qua và đề xuất các biện pháp khắc phục.

Ngày 25/9/2020, Bộ Xây dựng đã tổ chức cuộc họp với đại diện Cục Điện lực và năng lượng tái tạo, lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, lãnh đạo Tổng công ty Điện lực miền Trung và các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng như Cục Giám định, Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Viện Vật liệu xây dựng, Hội Bê tông Việt Nam và một số chuyên gia về xây dựng. Đại diện các đơn vị, các chuyên gia đã báo cáo và trao đổi những kết quả nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về nguyên nhân sự cố gãy đổ cột điện trong thời

gian vừa qua. Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống lưới điện trung và hạ áp trên toàn quốc có sử dụng cột điện bê tông cốt thép (BTCT), trong đó có cột điện BTCT ly tâm được đầu tư xây dựng bởi nhiều chủ thể khác nhau, diễn ra trong nhiều giai đoạn. Các tiêu chuẩn thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật hiện hành về cơ bản là khá đầy đủ. Tình trạng gãy đổ các cột điện BTCT, trong đó có cả các cột điện BTCT ly tâm dự ứng lực được sản xuất trong thời gian gần đây có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân khách quan là do số lượng cột điện BTCT rất lớn, nguồn gốc xuất xứ khác nhau, được xây dựng bởi nhiều chủ thể trong nhiều giai đoạn; gãy đổ do các tác động bất lợi như cây đổ, sạt lở đất. Nguyên nhân chủ quan là do việc thiết kế, sản xuất, thi công lắp dựng, bảo trì chưa tuân thủ các tiêu chuẩn; thiếu tính toán, kiểm tra khả năng chịu lực cột điện BTCT theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT hiện hành.

Trên cơ sở đó, thực hiện chức năng thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, ngày 2/10/2020, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 4777/BXD-GĐ “Về việc tăng cường công tác quản lý chất lượng cột điện bê tông cốt

thép ly tâm sử dụng trong các công trình đường dây truyền tải điện trên không” trong đó đề nghị Bộ Công thương, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tổ chức rà soát, đánh giá, phân loại các loại cột điện BTCT đang khai thác trong hệ thống; có các biện pháp, kế hoạch và lộ trình phù hợp để gia cố, sửa chữa, thay thế các cột có nguy cơ không bảo đảm an toàn chịu lực trước mùa mưa bão; rà soát, hoàn thiện các quy định liên quan đến công tác khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp dựng, nghiệm thu và khai thác cột điện BTCT tại Quyết định số 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Quy trình vận hành, kiểm tra và bảo dưỡng sửa chữa đường dây trung áp ban hành kèm theo Quyết

định số 275/QĐ-EVN-KTLĐ-KTAT ngày 31/01/2005 của Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Trong đó cần lưu ý quy định các đơn vị thiết kế, sản xuất, thi công lắp dựng cột BTCT, đặc biệt cột BTCT ly tâm khi chế tạo, lựa chọn và thi công lắp dựng phải tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn quốc gia hiện hành về thiết kế kết cấu, nền móng (bao gồm TCVN 5574: 2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, TCVN 2737: 1995 - Tải trọng và tác động...). Bộ Xây dựng cũng kiến nghị các chủ thể liên quan xem xét giao đơn vị tư vấn có kinh nghiệm và năng lực phù hợp thực hiện tính toán kết cấu, lập bản vẽ thiết kế điển hình đối với các loại cột điện BTCT để bảo đảm an toàn và đồng bộ.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội thảo “Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy cho nhà, công trình; QCVN 04:2019/BXD nhà chung cư và các QCVN liên quan khác”

Ngày 06/10/2020, tại Hà Nội, đã diễn ra Hội thảo “Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy cho nhà, công trình; QCVN 04:2019/BXD nhà chung cư và các QCVN liên quan khác”. Hội thảo do Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC), Vụ Khoa học công nghệ & Môi trường Bộ Xây dựng, Báo Xây dựng phối hợp tổ chức. Tham dự có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CHCN (Bộ Công an) Bùi Quang Việt, đại diện các ban ngành, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng...

Phát biểu khai mạc hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng cho biết: công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) cho công trình xây dựng, nhất là nhà cao tầng luôn cần được quan tâm hàng đầu để đáp ứng các yêu cầu về

an toàn tính mạng cho người sử dụng. Do đó, Hội thảo rất cần những ý kiến đóng góp từ các chủ đầu tư, đơn vị thiết kế, nhà thầu xây dựng... để cơ quan soạn thảo hoàn thiện quy chuẩn, áp dụng phù hợp với điều kiện, thực tiễn tại Việt Nam.

Tại hội thảo, các cơ quan quản lý đã chia sẻ các quy định, quy chuẩn mới nhằm hỗ trợ các chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu xây dựng nắm rõ hơn các yêu cầu thực tiễn của cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định, thẩm duyệt, nghiệm thu thiết kế xây dựng, phòng cháy, chữa cháy và bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo đúng quy định của 2 quy chuẩn mới ban hành là Quy chuẩn QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy cho nhà, công trình và Quy chuẩn QCVN 04:2019/BXD nhà chung cư và các quy chuẩn liên quan khác.

Giới thiệu những điểm mới của QCVN



Thư trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại hội thảo

06:2020/BXD, TS. Hoàng Anh Giang, Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu xây dựng (Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng – IBST) cho biết: QCVN 06:2010/BXD từ khi ban hành đến nay, cơ bản đã phục vụ tốt việc đảm bảo an toàn cháy cho nhà và công trình. Tuy nhiên, quy chuẩn này chỉ áp dụng cho nhà dưới 25 tầng (75m), cho nhà có 1 tầng hầm và còn thiếu nhiều quy định đối với nhà công nghiệp cũng như có những vướng mắc khi áp dụng trong thực tiễn. Do đó, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo thực hiện việc soát xét nội dung QCVN 06:2010/BXD nhằm tạo thuận lợi cho việc áp dụng đúng các quy định của quy chuẩn vào thực tế, đảm bảo các điều kiện về an toàn sinh mạng cho người sử dụng công trình, đồng thời phù hợp với các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam.

QCVN 06:2020/BXD do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST) biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 01/2020/TT-BXD ngày 06/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, thay thế QCVN 06:2010/BXD. QCVN 06:2020/BXD gồm 9 phần và 9 phụ lục được soát xét, có bổ sung, điều chỉnh với nhiều điểm mới.

Cụ thể, tại Quy định chung, phạm vi điều chỉnh chiều cao đến 150m, chiều sâu đến 3 tầng hầm (trừ trường học và bệnh viện); thuật ngữ, định nghĩa chiều cao, tầng hầm, nhà hỗn hợp...; Về phân loại kỹ thuật về cháy: Điều



Toàn cảnh hội thảo

chỉnh giới hạn chịu lửa của một số loại cấu kiện, bộ phận (cửa); điều chỉnh giới hạn chịu lửa của cấu kiện chịu lực chính nhà bậc chịu lửa I; phương án thanh thế buồng thang N1; diễn đạt nguyên tắc xác định nhóm nguy hiểm cháy theo công năng...; Về bảo đảm an toàn cháy cho người: Bổ sung đối tượng nhà cho phép có 01 lối thoát nạn; bố trí cầu thang cong trên đường thoát nạn; nguyên tắc bố trí phân tán các lối ra thoát nạn của tầng; bố trí lối quay trở lại trong nhà; giải pháp đảm bảo tính không nhiễm khói cho thang thoát nạn N1...; Quy định về đường cho xe chữa cháy/ bãi đỗ xe chữa cháy; bố trí lối vào từ trên cao; nguyên tắc bố trí thang máy chữa cháy... trong chữa cháy và cứu nạn.

Tại hội thảo, đại diện các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng đã đưa ra nhiều thông tin cũng như nêu nhiều câu hỏi với đại diện lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước xung quanh việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy cho nhà, công trình; QCVN 04:2019/BXD nhà chung cư và các QCVN liên quan khác trong thực tế xây dựng.

Theo đại diện Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC), về mặt kiến trúc, các quy định trong QCVN 04:2019/BXD và QCVN 06:2020/BXD rất rõ ràng. Tuy nhiên, CDC kiến nghị: khoảng cách thoát nạn 12m đối với hành lang cột của nhà có chiều cao từ 75m đến 150m là ngắn hơn so với

quy định trong NFPA 5000 trong QCVN 06:2020/BXD; kiến nghị làm rõ, đính chính chiều cao lớn nhất của nhà trong bảng H1 tại QCVN 06:2020/BXD. Về phần điện, cần đính chính tất cả nội dung liên quan QCVN 06:2019/BXD sang QCVN 06:2020/BXD trong nội dung của QCVN 04: 2019/BXD; xem lại thời gian cấp điện và giới hạn chịu lửa cho cáp điện trong QCVN 04:2019/BXD và QCVN 06:2020/BXD khi có chữa cháy ngoài nhà; bổ yêu cầu về giới hạn chịu lửa của cáp, dây điện trong QCVN 04:2019/BXD để tránh mâu thuẫn với QCVN 06:2020/BXD. Đối với phần nước, đính chính mục A.2.28.1 trong QCVN 06:2020/BXD cho phù hợp giới hạn chịu lửa và thời gian chữa cháy của các hệ thống PCCC;

đề nghị xem xét lại điều 2.9.2.17 trong QCVN 04:2019/BXD để có thể áp dụng các loại ống uPVC, HDPE, PPR trong nhà. Một số thuật ngữ như gió tươi, không khí tươi, gió thải, khí thải... trong thông gió ở các quy chuẩn này cũng thiếu thống nhất.

Cũng tại hội thảo, các chuyên gia cùng đại diện các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng đã thảo luận một số vướng mắc kỹ thuật cần giải quyết trong Quy chuẩn QCVN 06:2020/BXD và Quy chuẩn QCVN 04:2019/BXD và các quy chuẩn liên quan khác về thang máy chữa cháy, cấp nước chữa cháy, bố trí tầng lánh nạn, gara ô tô, xe máy...

Ninh Hoàng Hạnh

Hội thảo “Phát triển nông nghiệp đô thị tại Hà Nội theo hướng phát triển bền vững”

Ngày 7/10/2010, tại Hà Nội, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam phối hợp với Quỹ Châu Á tại Việt Nam tổ chức hội thảo “Phát triển nông nghiệp đô thị tại Hà Nội theo hướng phát triển bền vững”. Dự hội thảo có KTS. Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam; GS.TS. Đỗ Hậu - Phó Chủ tịch Hội cùng đồng đạo các chuyên gia khách mời, đại diện UBND các huyện và một số xã trên địa bàn TP. Hà Nội.

Phát biểu khai mạc hội thảo, KTS. Trần Ngọc Chính nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của phát triển bền vững nông nghiệp trong các đô thị của Việt Nam, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi tốc độ đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng ở hầu khắp các đô thị trên toàn quốc.

Nhấn mạnh vai trò của nông nghiệp đối với đô thị, qua một số ví dụ cụ thể của Việt Nam và quốc tế, ông Trần Ngọc Chính nhận định: nông nghiệp đô thị đóng vai trò quan trọng trong phát triển đô thị của của các quốc gia khi cung cấp lương thực, thực phẩm tại chỗ cho các đô thị;

góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho một bộ phận dân cư đô thị; nông nghiệp đô thị dễ dàng tiếp cận các dịch vụ, tiện ích đô thị; góp phần vào quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tạo dựng cảnh quan đô thị, cải thiện sức khỏe người dân.

Với Thủ đô Hà Nội, từ nhiều năm trước, khi quy hoạch Thủ đô, các nhà nghiên cứu, nhà quản lý đã xác định xây dựng Hà Nội hướng đến trở thành đô thị xanh - văn hiến - văn minh - hiện đại trong tương lai. Điều đó cho thấy, trong chiến lược phát triển Thủ đô, lĩnh vực nông nghiệp cũng rất được quan tâm phát triển.

Cùng quan điểm với KTS. Trần Ngọc Chính, GS.TS Đỗ Hậu cho biết: nông nghiệp đô thị ngày càng khẳng định vai trò, vị trí trong không gian đô thị. Đặc biệt, nông nghiệp đô thị có thể làm mới không gian đô thị. Xét từ góc độ quy hoạch phát triển đô thị, cần phải tổ chức nông nghiệp đô thị nhằm hướng đến quy hoạch phát triển đô thị xanh - thông minh và bền vững trong



KTS. Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam



Toàn cảnh Hội thảo

bối cảnh đô thị hóa và biến đổi khí hậu. Vì vậy cần nghiên cứu từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch chi tiết các khu vực có hoạt động nông nghiệp đô thị theo hướng phát triển đô thị xanh - thông minh cùng với việc ban hành các cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp đô thị trong thời gian tới.

Trình bày tham luận “Giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị Hà Nội theo hướng phát triển bền vững”, ThS. Nguyễn Thị Vân Hương, chuyên gia Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Hà Nội cho biết, hiện nay Hà Nội đang tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thành quy hoạch phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, với mục tiêu: Xây dựng thị trường tiêu thụ nông sản ổn định; các loại nông sản chất lượng cao dần thay thế các sản phẩm nhập khẩu và phục vụ xuất khẩu; nâng cao trình độ sản xuất cho người dân.

Theo ThS. Nguyễn Thị Vân Hương, để phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng phát triển bền vững, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình đô thị hóa, Hà Nội cần thực hiện nhiều giải pháp: ổn định địa bàn sản xuất nông nghiệp đô thị, tiếp tục nghiên cứu và quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất giống, cây trồng vật nuôi chủ yếu; công khai phổ biến các quy hoạch nghiên cứu khoa học về phát triển sản xuất nông nghiệp đến các cấp chính quyền và người dân; triển khai áp dụng công nghệ cao vào các lĩnh vực phát triển nông nghiệp đô thị;

thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ và cho vay ưu đãi của Trung ương và thành phố tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn; xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích tổ chức cá nhân thực hiện công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực lai tạo giống cây, con chủ lực với từng vùng sinh thái, đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng chế biến, xuất khẩu; có chính sách phát triển dịch vụ logistics đô thị trong điều kiện xây dựng thành phố thông minh, đồng thời tăng cường hợp tác liên kết kinh tế vùng và toàn quốc.

Thảo luận tại hội thảo, các đại biểu đều nhất trí cho rằng: đô thị hóa đã đặt ra những vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch và phát triển mới của Thủ đô, đặc biệt là vùng ven đô. Diện tích đất nông nghiệp giảm khiến một bộ phận lao động mất đất sản xuất, thiếu việc làm, kéo theo nhu cầu về lương thực, thực phẩm tăng cao, vấn đề vệ sinh môi trường đô thị cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, sự ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước là điều không thể tránh khỏi. Đây là các yếu tố đe dọa sự phát triển nhanh và bền vững của các đô thị hiện nay. Trong rất nhiều giải pháp, phát triển nông nghiệp đô thị được xem như một hướng đi tối ưu có tính khả thi cao để giải quyết các bất cập liên quan trong tiến trình đô thị hóa, hướng tới xây dựng các đô thị sinh thái bền vững cho tương lai.

Theo PGS.TS. Trần Trọng Phương (Học

viện Nông nghiệp Việt Nam), hiện nay Hà Nội có hơn 92% xã đạt chuẩn nông thôn mới và 6 huyện nông thôn mới với nhiều mô hình sản xuất như mô hình trồng hoa, cây cảnh, rau an toàn, trang trại, mô hình nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch. Song để phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững, Hà Nội cần gắn chặt với việc hình thành vành đai cây xanh, sản xuất nông nghiệp sạch gắn với hệ thống phân phối cho người dân. Vì hiện nay, việc chuyển đổi đất nông nghiệp khiến cho cả một khu vực sinh cảnh bị thay đổi và xâm hại như thảm thực vật, đồng ruộng, hệ sinh thái ao hồ... khiến thiên nhiên môi trường của thành phố đang dần bị suy giảm, diện tích cây xanh, mặt nước thu hẹp do các hoạt động xây dựng và phát triển. Các vựa rau vùng ven đô như Thường Tín, Hoài Đức, Thanh Trì... được người nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, tưới bằng nguồn nước ô

nhiễm khá phổ biến; các làng nghề xen kẽ trong các khu vực dân cư cũng là nguyên nhân ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường.

Do đó xây dựng mô hình nông nghiệp hiện đại góp phần hình thành và phát triển vành đai xanh, hành lang xanh tại vùng ven đô Hà Nội là yêu cầu cấp bách. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn nhận vành đai xanh là hệ thống cây xanh, công viên cảnh quan, không gian mở, thì mô hình dường như chỉ phù hợp với các nước phát triển, có tiềm lực kinh tế. Đối với hiện thực của Việt Nam, giải pháp lồng ghép giữa mô hình nông nghiệp hiện đại có giá trị sản xuất cao với công viên - mặt nước, cảnh quan đô thị và các khu vực xây dựng mật độ thấp sẽ có tính khả thi cao. Đây chính là sự phát triển bền vững của khu vực ven đô nói riêng và đô thị nói chung.

Trần Đình Hà

Sử dụng tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp

Hiện nay, tiêu thụ và xử lý tro xỉ phát thải từ các nhà máy nhiệt điện là nhiệm vụ đặc biệt cần thiết khi khối lượng tro xỉ đang tồn kho lên đến nhiều chục triệu tấn. Trong số các giải pháp khả thi, việc sử dụng tro xỉ làm vật liệu san lấp là giải pháp tiềm năng cho phép tiêu thụ khối lượng lớn tro xỉ. Các chuyên gia Viện Khoa học công nghệ xây dựng (IBST) đã tiến hành nghiên cứu đặc trưng kỹ thuật của tro xỉ tại một số nhà máy nhiệt điện đốt than, làm cơ sở đánh giá điều kiện kỹ thuật áp dụng tro xỉ vào san lấp.

Quá trình vận hành các nhà máy nhiệt điện đốt than đã thải ra các sản phẩm cháy từ than bao gồm tro bay và xỉ đáy. Về thành phần vật chất, tro bay là các chất vô cơ không cháy được có sẵn trong than, sau quá trình đốt biến thành vật chất cấu trúc dạng thủy tinh và vô định hình và các dạng vô định hình có ý nghĩa lớn trong đánh giá hoạt tính của vật liệu. Tro bay thường có dạng hạt hình cầu kích thước từ 0.5 μm đến

300 μm , khối lượng thể tích ở trạng thái khô xấp xỉ 450 kg/m^3 đến 700 kg/m^3 và trọng lượng riêng 1.800 kg/m^3 đến 2.300 kg/m^3 có thể lẫn các hạt than chưa cháy hết có hình dạng không xác định. Diện tích bề mặt của tro bay thay đổi từ 2.000 cm^2/gram đến 6.800 cm^2/gram .

Xỉ đáy là những hạt thô và to hơn tro bay, là thành phần không cháy thu được ở phần đáy lò thường ở dạng cục hoặc hạt có kích thước từ 0.125 - 2mm, khối lượng thể tích ở trạng thái khô xấp xỉ 700 - 900 kg/m^3 và trọng lượng riêng 2.000 - 2.600 kg/m^3 . Thông thường lượng tro bay chiếm khoảng 80 - 90%, còn xỉ chỉ chiếm khoảng 10 - 20%.

Tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp trước tiên phải được phân định là chất thải không nguy hại và đáp ứng yêu cầu của TCVN 12249:2018, đồng thời khi sử dụng vào bãi san lấp cần thỏa mãn các điều kiện vật liệu an toàn môi trường khác, đặc biệt là kiểm tra thỏa mãn nồng độ khí radon tại bãi san lấp theo quy định.

Các đặc trưng tính chất vật lý

Kết quả thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của IBST xác định các đặc trưng vật lý theo các tiêu chuẩn hiện hành trên các mẫu tro, xỉ và tro xỉ hỗn hợp được lấy từ các nhà máy nhiệt điện được tổng hợp với giá trị các đặc trưng vật lý của vật liệu tro xỉ hỗn hợp là giá trị trung bình của các kết quả thí nghiệm các mẫu lấy được từ các bãi lưu giữ tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, Quảng Ninh, Sơn Động, Cẩm Phả, Uông Bí, Na Dương, Mông Dương, Vĩnh Tân. Các giá trị trong ngoặc đơn là khoảng biến đổi của các giá trị tương ứng. Riêng các giá trị các đặc trưng vật lý của vật liệu tro và xỉ là từ nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh.

Sau khi tiến hành thí nghiệm, các chuyên gia IBST nhận được kết quả: Theo thành phần hạt, vật liệu tro xỉ có thể xếp vào nhóm đất bụi thô nhiều cát mịn; Theo giá trị khối lượng thể tích hạt, có thể thấy tro xỉ thuộc loại vật liệu nhẹ, nhẹ hơn nhiều so với vật liệu cát ($2,53 \text{ g/cm}^3$ so với $2,65 - 2,69 \text{ g/cm}^3$ của vật liệu cát). Đây là ưu điểm của vật liệu tro xỉ khi sử dụng làm vật liệu san lấp vì có trọng lượng bản thân nhẹ hơn so với các vật liệu san lấp truyền thống; theo các đặc trưng cấp phối hạt, các đặc trưng vật lý ở trạng thái xốp nhất và chặt nhất, có thể đánh giá vật liệu tro xỉ có khả năng nén chặt tốt vì cấp phối hạt bất đồng nhất, cấu trúc cốt hạt dạng tinh thể cầu sẽ dễ sắp xếp khi đầm; riêng đối với tro bay, diện tích bề mặt lớn có thể dẫn đến những khó khăn nhất định khi phối trộn tro bay với vật liệu khác, đặc biệt với chất kết dính là xi măng. Các hạt tro bay khô có độ phân tán lớn, mức độ hoạt động bề mặt cao khi trộn với nước thường có xu hướng hút nước tạo thành các cục, hòn phân tách khỏi xi măng đã phối trộn. Đây là đặc điểm cần lưu ý khi phải xử lý hỗn hợp tro xỉ phối trộn, thường hỗn hợp phối trộn nên được là ẩm và ủ trong khoảng thời gian nhất định để đạt độ ẩm tối ưu thay vì trộn trực tiếp với nước. Như vậy, theo các đặc trưng vật lý lưu ý về độ hút ẩm, tro xỉ về cơ bản ứng

xử như là vật liệu đất bụi thô nhiều cát mịn, nhẹ và có khả năng đầm nén.

Các đặc trưng tính chất cơ học

Các đặc trưng cơ học bao gồm các đặc trưng về biến dạng và độ bền được sử dụng để đánh giá chất lượng thể đắp với vật liệu tro xỉ. Kết quả nghiên cứu được tiến hành cùng với vật liệu tro xỉ được gia cường bằng xi măng với các tỷ lệ phối trộn khác nhau. Các mẫu tro xỉ thí nghiệm các đặc trưng cơ học được lấy tại 2 nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh và Duyên Hải. Ngoài ra, các đặc trưng cơ học còn được thí nghiệm tại hiện trường san đắp bãi thi công thử tại Quảng Ninh và Duyên Hải bằng thí nghiệm bàn nén.

Đặc trưng biến dạng

Tính nén lún của vật liệu tro xỉ được đặc trưng bằng thông số hệ số nén lún a_{1-2} (cm^2/kg) xác định bằng thí nghiệm nén không nở hông ở trong phòng với các trạng thái độ chặt khác nhau và được phối trộn với xi măng ở các tỷ lệ khác nhau (5 - 10 - 15 - 20% xi măng theo trọng lượng vật liệu tro xỉ khô) cũng như với điều kiện bảo dưỡng mẫu thí nghiệm (thí nghiệm ngay sau khi chế bị mẫu, bảo dưỡng sau 7 ngày và mẫu được bão hòa nước). Tính nén lún của vật liệu tro xỉ cũng được nghiên cứu xác định bằng thí nghiệm nén bàn nén hiện trường trên khối đắp vật liệu tro xỉ đầm nén.

Thí nghiệm nén bàn nén tại khối đắp vật liệu tro xỉ tại nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, cho kết quả giá trị mô đun biến dạng E trong khoảng 7,8 MPa đến 9,4 MPa ở độ chặt $K = 0,95$. Tải trọng nén thí nghiệm lên tới 500 kPa với độ lún bàn nén trong khoảng 1,29 - 1,51 cm.

Đặc trưng độ bền

Độ bền của vật liệu tro xỉ được nghiên cứu xác định bằng các thí nghiệm cắt trong phòng theo mặt phẳng định trước xác định lực dính c (Pa) và góc ma sát trong phi (độ) trên các mẫu được xử lý với xi măng ở các tỷ lệ khác nhau (5 - 10 - 15 - 20 % xi măng của trọng lượng vật liệu tro xỉ khô) ở trạng thái độ chặt khác nhau ($K =$

0,85; 0,90 và 0,95 so với độ chặt tiêu chuẩn).

Các mẫu thí nghiệm cắt cũng được tiến hành với 3 điều kiện bảo dưỡng (thí nghiệm ngay sau khi chế bị mẫu, bảo dưỡng sau 7 ngày và mẫu được bão hòa nước). Đối với thí nghiệm nén nở hông trong phòng xác định sức kháng nén nở hông, thí nghiệm được tiến hành với 3 điều kiện bảo dưỡng (bảo dưỡng ở 7, 14 và 28 ngày).

Các thí nghiệm cho kết quả: Tro xỉ, khi không được nén chặt đầy đủ, là loại vật liệu rời, có tính chất cơ học yếu: Lún nhiều với hệ số nén lún a1-2 lớn hơn $0,050 \text{ cm}^2/\text{kg}$, góc ma sát trong nhỏ, sức kháng nén nở hông thấp, dưới 10 kN/m^2 . Giá trị sức kháng cắt và hệ số nén lún khi đầm chặt tại độ chặt yêu cầu thường thấp hơn so với các vật liệu khác; tro xỉ có tính chất cơ học phụ thuộc khả năng hoạt tính và khả năng tự tăng cứng của thành phần tro bay; tro xỉ tan rã trong nước dù được nén chặt ở bất cứ mức độ nào; vật liệu tro xỉ, khi được nén chặt tới độ chặt $K = 0,95$ so với độ chặt tiêu chuẩn, có tính chất cơ học được cải thiện nhiều: Lún ít với a1-2 nhỏ hơn $0,025 \text{ cm}^2/\text{kg}$, góc ma sát trong lớn hơn 160 độ, nhưng sức kháng nén nở hông tăng không đáng kể; tính chất cơ học của vật liệu tro xỉ được cải thiện đáng kể khi gia cường bằng trộn thêm các chất liên kết vô cơ.

Trong thí nghiệm, chỉ với 5% xi măng trộn thêm, hệ số nén lún đã giảm mạnh, chỉ còn $0,015 \text{ cm}^2/\text{kg}$ sau 7 ngày bảo dưỡng ở độ chặt $K = 0,85$ và $0,08$ ở độ chặt $0,95$; góc ma sát trong tăng đến 260 độ ở độ chặt $K = 0,85$ và là 390 độ ở độ chặt $K = 0,95$; lực dính tăng thêm gấp 2 lần và sức kháng nén nở hông tăng thêm gấp 10 lần. Với mục đích sử dụng vật liệu tro xỉ như là vật liệu san lấp, để đảm bảo ổn định lún, thể đắp vật liệu tro xỉ cần được nén chặt ít nhất tới độ chặt $K = 0,95$ còn để đảm bảo ổn định về cường độ, cần gia cường bằng chất liên kết. Ví dụ với chất liên kết vô cơ như xi măng với hàm lượng xi măng tối thiểu là 5%, sự khác biệt lớn của đặc trưng biến dạng khi sử dụng tỷ lệ xi măng từ 10% trở lên. Tính chất cơ học của vật

liệu tro xỉ được cải thiện rõ rệt hơn bằng cách gia cường với chất liên kết hơn là theo sự tăng độ đầm chặt của vật liệu.

Các đặc trưng tính chất đầm nén của vật liệu tro xỉ

Các đặc trưng tính chất đầm nén của vật liệu tro xỉ được nghiên cứu xác định bằng thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn ở trong phòng. Các thông số đặc trưng của nó bao gồm khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm tốt nhất tương ứng với nó. Thí nghiệm đầm chặt tiêu chuẩn trong phòng được tiến hành với 2 loại thiết bị có công đầm nén khác nhau: Proctor tiêu chuẩn và Proctor cải tiến với mục đích xem xét khả năng chịu đầm nén của vật liệu ở các công đầm nén khác nhau. Vật liệu thí nghiệm là vật liệu tro, xỉ, hỗn hợp tro và xỉ ở tỷ lệ trộn khác nhau và vật liệu tro xỉ lấy tại bể lưu trữ của nhà máy được gia cường thêm với chất liên kết xi măng ở các tỷ lệ xi măng khác nhau (5 - 10 - 15 - 20%).

Các thí nghiệm do chuyên gia IBST thực hiện đều cho kết quả: Vật liệu hỗn hợp tro xỉ cho hiệu quả đầm nén tốt hơn vật liệu tro hoặc xỉ riêng rẽ, hỗn hợp tro xỉ tốt nhất là 90% tro và 10% xỉ và đây cũng là tỷ lệ phổ biến về phát thải tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện; Hiệu quả đầm nén cao hơn khi áp dụng công đầm nén lớn hơn so với việc tăng tỷ lệ gia cường bằng chất liên kết xi măng.

Các đặc trưng cơ học của hỗn hợp vật liệu tro xỉ - xi măng theo thời gian

Đánh giá sự phát triển theo thời gian của các tính chất cơ học với mục đích nâng cao hiệu quả và mở rộng phạm vi ứng dụng của vật liệu tro xỉ trong san lấp. Tro xỉ Quảng Ninh lấy từ bãi thải của nhà máy được xử lý phối trộn với chất kết dính là xi măng theo các tỉ lệ khác nhau để theo dõi các đặc trưng cơ học theo thời gian. Các mẫu thí nghiệm được chế bị và tạo mẫu tương tự như công nghệ bê tông đầm lăn điều này được xem là tương đồng với phương pháp thi công khối vật liệu san lấp sử dụng thiết bị

san gạt, lu lèn, lu rung truyền thống. Đánh giá độ bền của bê tông tro xỉ thông qua chỉ tiêu cường độ chịu nén và cường độ chịu uốn của mẫu tiêu chuẩn. Độ ẩm tối ưu của hỗn hợp tro xỉ - xi măng thay đổi tăng dần từ 16,7% lên đến 18,9% theo hàm lượng tro xỉ trong hỗn hợp từ 80% lên 95%.

Các nghiệm được thực hiện cho kết quả, hỗn hợp tro xỉ khi phối trộn với xi măng từ 5% đến 20% thì cường độ sau 28 ngày tăng từ 0,7 MPa lên 8,3 MPa và các giá trị này vẫn tiếp tục tăng ở các tuổi đến 180 ngày từ 1,2 MPa đến 11,3 MPa. Cường độ uốn của hỗn hợp tro xỉ kết hợp với xi măng cũng tăng theo tỉ lệ xi măng có trong hỗn hợp và thường bằng 20% đến 40% giá trị cường độ nén.

Có thể thấy, do quá trình thí nghiệm sử dụng hỗn hợp tro xỉ ở dạng tự nhiên lấy trực tiếp tại bãi phế thải của nhà máy nên trong thành phần tro xỉ có nhiều cục tro bị vón cục làm cho hỗn hợp tro xỉ - xi măng không hoàn toàn đồng nhất, điều này làm ảnh hưởng lớn đến các kết quả khi uốn và nén mẫu, dẫn đến các kết quả bị dao động khá lớn.

Kết quả thí nghiệm mô đun đàn hồi của bê tông tro xỉ ở các tỉ lệ phối trộn xi măng khác nhau như sau: Giá trị mô đun đàn hồi của bê tông này rất thấp và ở các tuổi 60 ngày và 180 ngày gần như không còn tăng so với tuổi 28 ngày. Trong khi đó, các thí nghiệm modun đàn hồi của bê tông tro xỉ ở các tỉ lệ cấp phối khác nhau cho kết quả: Độ co của bê tông tro xỉ ở tuổi 28 ngày giảm từ 0,13 mm/m xuống 0,05 mm/m theo tỉ lệ xi măng giảm từ 20% xuống còn 5%; Độ co của bê tông tro xỉ diễn ra tương đối dài và ở tuổi 180 ngày độ co của hỗn hợp có tỉ lệ phối trộn với xi măng ở mức 20%, 15%, 10% và 5% tương ứng là 0,47 mm/m; 0,39 mm/m; 0,19 mm/m và 0,15 mm/m.

Các kết quả đặc trưng cơ học của hỗn hợp tro xỉ phối trộn cho thấy quy luật chung khi sử dụng tro xỉ với tỉ lệ phối trộn xi măng khác nhau như sau: Khi sử dụng xi măng làm vật liệu để

gia cường hỗn hợp tro xỉ, với tỉ lệ xi măng từ 5% đến 20% phối trộn tro xỉ thì cường độ sau 28 ngày tăng từ 0,7 MPa lên 8,3MPa và các giá trị này vẫn tiếp tục tăng ở các tuổi đến 180 ngày từ 1,2MPa đến 11,3MPa; Cường độ uốn của hỗn hợp tro xỉ kết hợp với xi măng cũng tăng theo tỉ lệ xi măng có trong hỗn hợp và thường bằng 20% đến 40% giá trị cường độ nén; Mô đun đàn hồi của hỗn hợp tro xỉ gia cường bằng xi măng tăng theo tỉ lệ phối trộn xi măng và ở các tuổi 60 ngày và 180 ngày gần như không còn tăng so với tuổi 28 ngày; Độ co của hỗn hợp tro xỉ gia cường bằng xi măng giảm theo tỉ lệ phối trộn xi măng và thời gian co của hỗn hợp càng dài khi tăng tỉ lệ xi măng; Tro xỉ khi có chất kết dính xi măng được cải thiện rõ rệt cả về cường độ, độ chặt, sức kháng cắt, độ biến dạng giảm với hàm lượng phần trăm xi măng càng cao thì càng được cải thiện tuy nhiên để đảm bảo về mặt kinh tế cho sử dụng thực tế nhóm nghiên cứu kiến nghị sử dụng hàm lượng xi măng từ 10%.

Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu trên cơ sở các số liệu thí nghiệm thực tế về đặc trưng địa kỹ thuật của tro xỉ nhiệt điện, các chuyên gia IBST đúc rút như sau: Tro xỉ có thể được xếp vào vật liệu rời thuộc loại từ bụi thô nhiều cát mịn đến cát mịn nhiều bụi thô, nhẹ và có khả năng nén chặt; khi không được nén chặt đầy đủ, tro xỉ có tính chất cơ học yếu, lún nhiều, độ bền thấp, nhưng khi được nén chặt đủ (hệ số đầm chặt tối thiểu K lớn hơn hoặc bằng 0,95) hoặc được gia cường bằng chất liên kết (như xi măng), tính chất cơ học được cải thiện đáng kể đáp ứng với yêu cầu sử dụng như là vật liệu san lấp; khả năng đầm chặt của hỗn hợp tro xỉ khá dễ dàng; Ở độ ẩm tối ưu tro xỉ có độ chặt tương đối tốt nhưng lại dễ hóa lỏng do hàm lượng hạt mịn cao và lực dính mất đi tro xỉ trở nên nhão mất tính liên kết, mất độ bền. Do đó, cần có những nghiên cứu sâu hơn về ảnh hưởng của độ ẩm, cũng như tính chất hóa lỏng của vật liệu khi sử dụng tro

xỉ làm vật liệu san lấp và cần biện pháp tránh hiện tượng vật liệu san lấp bị bão hòa;

Ngoài ra, giá trị sức kháng cắt và hệ số nén lún khi đầm chặt tại các độ chặt yêu cầu là thấp hơn so với các vật liệu khác; khi được phối trộn thêm chất kết dính xi măng, hỗn hợp tro xỉ được cải thiện rõ rệt cả về cường độ, độ chặt, sức kháng cắt, biến dạng giảm với hàm lượng phần trăm xi măng càng cao thì càng được cải thiện, khuyến cáo sử dụng hàm lượng không ít hơn

10% trọng lượng. Tro xỉ nhiệt điện có đủ các đặc trưng địa kỹ thuật thỏa mãn làm vật liệu san lấp, có thể thay thế vật liệu san lấp truyền thống. Bãi san lấp sử dụng tro xỉ nhiệt điện phải đáp ứng các điều kiện an toàn môi trường và nồng độ khí radon theo quy định.

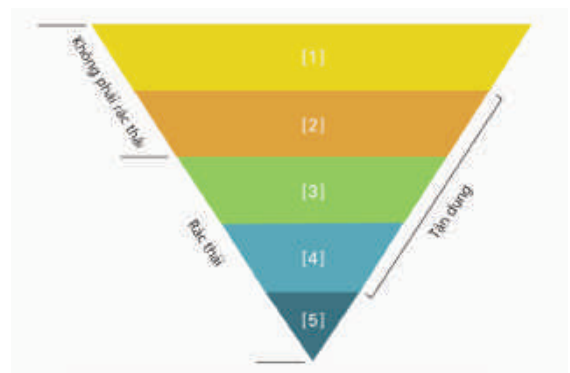
Trần Đình Hà (Theo TS. Đinh Quốc Dân - Viện Khoa học công nghệ xây dựng)

Thực tiễn thế giới về quản lý rác thải

Nhằm đánh giá thực trạng giải quyết vấn đề rác thải của các quốc gia trên thế giới, các chuyên gia đã đề xuất nhiều phương án khác nhau, trong đó có phân loại quốc gia theo mức độ phát triển chất thải (loại “bắt đầu”, “đạt chuẩn” và “tiên tiến”, căn cứ vào tỷ lệ rác thải được tái chế kể cả ủ phân hoặc đốt, chứ không chôn lấp). Theo đó, các nước có từ 0% đến 41% rác thải được tái chế hoặc đốt xếp loại “bắt đầu”, từ 41% đến 80% - “đạt chuẩn”, từ 81% đến 100% - “tiên tiến”. Ở Nga, 95% rác được chôn lấp, vì vậy Nga xếp loại “bắt đầu”.

Bài nghiên cứu sẽ phân tích cụ thể ví dụ của một số quốc gia: Đức và Hàn Quốc (đại diện cho nhóm “tiên tiến”), Anh và Mỹ (đại diện nhóm “đạt chuẩn”), Nam Phi và Nga (đại diện nhóm “bắt đầu”). Các ví dụ dựa trên hệ thống phân cấp quản lý rác thải, là một kim tự tháp ngược phản ánh năm giải pháp đối với rác thải: thải loại (chôn lấp, và đốt không tạo ra năng lượng); phục hồi (đốt rác để tạo ra năng lượng, thu biogas từ các bãi chôn lấp...); tái chế (biến chất thải thành nguyên liệu thứ cấp để tái sử dụng); tái sử dụng (tái sử dụng các vật dụng mà không tái chế); ngăn ngừa (tổ hợp các biện pháp nhằm giảm lượng rác thải được sản sinh).

Thải loại (5) là cách ít hiệu quả nhất để xử lý rác thải, còn ngăn ngừa (1) là giải pháp hữu hiệu nhất (Xem biểu đồ).



Mô hình phân cấp việc quản lý rác thải

Thải loại: Hàn Quốc xây dựng Ecopark tại vị trí các bãi chôn lấp cũ

Bắt đầu hoạt động vào năm 1977, suốt 15 năm tiếp theo với khoảng 92 triệu tấn rác thải chất đống thành hai núi rác khổng lồ, Nanjido là bãi chôn lấp chính của Seoul. Khi nồng độ khí thải methane độc hại và lượng nước thải ra sông Hàn trở nên nghiêm trọng, Chính quyền Seoul quyết định đóng cửa bãi rác, và lên kế hoạch ổn định các núi rác để chuyển đổi cả khu vực thành một công viên sinh thái. Lý do trực tiếp dẫn đến quyết định cải tạo bãi rác Nanjido chính là hình ảnh quốc gia trong World Cup 2002. Song nguyên nhân sâu xa xuất phát từ nhận thức về môi trường của Chính phủ Hàn Quốc. Sau giai đoạn phát triển nhanh chóng như một trong những “con rồng châu Á”, Chính phủ và cả người dân Hàn Quốc đã nhận ra một

điều: muốn phát triển bền vững và lâu dài, trước hết phải cải thiện môi trường và phát triển dựa vào môi trường thiên nhiên. Sự thành công của dự án Nanjido trở thành niềm tự hào của Hàn Quốc, thể hiện rõ ý chí của con người và hiệu quả ứng dụng các công nghệ tiên tiến. Việc lấp đất lên bãi rác được tiến hành qua nhiều năm, theo nhiều giai đoạn khác nhau, kết hợp với việc xây dựng và quy hoạch cơ sở hạ tầng xung quanh công viên.

Do công viên được hình thành với mục đích cải tạo môi trường sinh thái nên ở đây hầu như không có các công trình nhân tạo. Toàn bộ thiết bị trong khu vực công viên đều hoạt động bằng nguồn điện cung ứng bởi 8 cột điện phong (chiều cao tới 30m), mỗi cột có công suất 100 kW. Ngoài ra, lượng rác thải được nén chặt trong lòng đất cũng đang trong quá trình phân hủy và tạo khí methane, khí này được chuyển hóa thành điện năng để phục vụ sinh hoạt cho cả các khu dân cư xung quanh công viên.

Để khai thác và biến đổi khí từ bãi rác thành năng lượng, công nhân đã khoan nhiều giếng, nén và tách biệt chất thải; gia cố nền đất, tăng cường độ dốc và hình thành lớp đất màu mỡ phía trên.

Công nghệ chôn lấp là một trong những phương pháp truyền thống dễ thực hiện, dễ xử lý nhanh với khối lượng lớn rác ngay trong ngày; đồng thời không đòi hỏi nhiều chi phí đầu tư hệ thống bãi chôn lấp. Tuy nhiên, bãi chôn lấp hợp vệ sinh phải có diện tích lớn, cách xa các khu dân cư. Đây là một trở ngại lớn đối với các nước có ít hoặc không còn quỹ đất đầu tư cho công nghệ này. Để khắc phục, nhiều nước trên thế giới đã áp dụng mô hình xử lý, quản lý rác thải đô thị bằng công nghệ chôn lấp an toàn, hợp vệ sinh tuần hoàn và khép kín. Ưu điểm của mô hình này là chi phí đầu tư, vận hành và xử lý thấp, đảm bảo mức độ an toàn cho môi trường, tăng công suất chứa rác và cho phép kéo dài thời gian vận hành bãi chôn lấp cũng như thu hồi khí sản sinh từ rác cho mục đích sản xuất

điện hoặc các mục đích thương mại.

Hàn Quốc là một trong những nước đi đầu áp dụng công nghệ chôn lấp hiện đại, liên hoàn khép kín. Bãi chôn lấp rác thải Sodokwon của Hàn Quốc cũng là một ví dụ điển hình cho công nghệ chôn lấp rác thải sinh hoạt an toàn, hợp vệ sinh nhờ áp dụng kỹ thuật và thiết bị hiện đại, không chỉ bảo vệ môi trường mà còn đem lại lợi ích kinh tế từ việc tái sử dụng chất thải phục vụ phát điện, giảm khí nhà kính và tăng nguồn thu ngân sách từ việc bán hạn ngạch khí thải do tiết kiệm được. Không dừng lại đó, Chính quyền tiếp tục xây dựng công viên chủ đề môi trường Dream Park trên chính bãi rác này nhằm sử dụng hiệu quả quỹ đất trống, thông qua việc xây dựng các khu vui chơi, giải trí, thể thao, khu sinh thái, các khu vực sinh hoạt cộng đồng.

Phục hồi: Nhà máy Marshwood tại Southampton, Vương quốc Anh

Nhà máy Marshwood sản xuất điện năng từ đốt rác (không thể tái chế), với khối lượng lên đến 165 nghìn tấn mỗi năm (495 tấn mỗi ngày). Nhà máy được khánh thành năm 2004, có vị trí giáp ranh giữa Southampton và Marshwood, chỉ cách các khu dân cư khoảng 300m. Quá trình đốt rác thải diễn ra với việc tạo năng lượng từ hơi nước, và khí thải được lọc sạch trong máy lọc bụi và các bộ lọc túi - công nghệ được sử dụng trong tất cả các nhà máy của công ty Veolia. Nhà máy cung cấp điện cho khoảng 22,6 nghìn hộ gia đình địa phương.

Tái chế: Các Trung tâm tái chế rác tại Mỹ và Đức

Sunset Park Material Recovery Facility là trung tâm tái chế kim loại, thủy tinh, giấy và nhựa ở New York (Mỹ). Công ty Sims Municipal Recycling và thành phố New York đã đầu tư 25 triệu USD vào thiết bị phân loại, và cùng điều hành các hoạt động của Trung tâm. Nằm bên bờ biển tại quận Sunset Park, tổ hợp nhà máy chiếm diện tích 4,4 ha, có khả năng xử lý 18 nghìn tấn kim loại, thủy tinh, nhựa và giấy mỗi

tháng. Thiết kế chịu ảnh hưởng từ ý tưởng của một trung tâm chuyên xử lý phế liệu để tái sử dụng. Bên cạnh đó, đây còn là một thắng cảnh địa phương; vé tham quan được bán với giá 15-20 USD.

Trung tâm là một đóng góp lớn cho môi trường sinh thái thông qua việc cung cấp nguyên liệu thứ cấp bằng sà lan – sách lược giúp giảm thiểu xe tải chuyên dụng, giảm bớt 240 nghìn dặm đường hàng năm của các phương tiện vận chuyển. Vật liệu thứ cấp được sử dụng khắp nơi: gia cố đất nền bằng vật liệu tổng hợp từ phế liệu thủy tinh, nhựa đường và đá; thép tái chế để xây nhà; thủy tinh tái chế làm vật liệu hoàn thiện... Các hoạt động mang tính bền vững khác như ứng dụng quang điện nhiều nhất tại New York, turbin gió tạo điện năng đáp ứng 15% lượng điện tiêu thụ của Trung tâm, các tài nguyên sinh học giúp quản lý nước mưa... đều đang được triển khai thực hiện.

Nhà máy Lippe (Lunen, CHLB Đức) là trung tâm tái chế công nghiệp lớn nhất châu Âu với diện tích 230 ha, gồm các phân xưởng xử lý hóa chất, gỗ, nhựa, chất thải công nghiệp, đồ điện tử, và một trạm ủ phân từ rác thực phẩm. Trung tâm hàng năm tiếp nhận hơn 980 nghìn tấn rác thải, sản xuất khoảng 500 nghìn tấn vật liệu và 337 GWh năng lượng; một phần ba trong số đó được sử dụng để duy trì hoạt động của chính các phân xưởng. Trung tâm nằm ở ngoại ô Lunen, cách khu vực dân cư chỉ 500m. Việc tái chế vật liệu không hề thải các chất độc hại vào khí quyển, mà ngược lại, giúp tránh phát thải hơn 400 nghìn tấn khí nhà kính.

Tái sử dụng: Mạng lưới Repair Café tại Vương quốc Anh

“Sửa chữa, chứ đừng vứt bỏ!” là khẩu hiệu được đề xướng từ phong trào toàn cầu Repair Cafe. Trong thời đại công nghiệp, đồ vật chỉ “dùng một lần”, mọi người dường như quên rằng mỗi vật dụng đều có thể sử dụng lâu bền, không chỉ có chức năng trực tiếp mà còn lưu giữ nhiều ký ức gắn liền với con người và sự kiện

trong cuộc sống xung quanh. Không thể phủ nhận với những đồ vật bền lâu, ngôi nhà hoặc không gian làm việc của mỗi người sẽ trở nên ấm áp hơn, thoải mái hơn.

Repair Café đầu tiên xuất hiện vào cuối năm 2009 tại Amsterdam (Hà Lan); giờ đây đã có hơn 1500 Repair Café tại 33 quốc gia trải khắp các châu lục. Năm 2017, Ngày Quốc tế Repair Café lần đầu tiên được tổ chức; và kể từ đó, hàng năm, vào ngày thứ bảy cuối cùng của tháng Mười, sự kiện này được tổ chức trên toàn thế giới.

Đặc biệt tại Vương quốc Anh, Repair Cafe phát triển mạnh thành chuỗi cửa hàng, và có những hoạt động rất tích cực. Đó thực chất là những địa chỉ công cộng, nơi có thể nhận sự hỗ trợ miễn phí từ các tình nguyện viên nếu cần sửa chữa bất cứ thứ gì. Hình thức hoạt động của Repair Cafe mang tính giáo dục - cố gắng truyền đạt cách tự sửa chữa cho mọi người: đóng lại sách, sửa đồ chơi, sửa chữa quần áo và các đồ gia dụng, làm tranh gốm sứ từ mảnh bát đĩa vỡ, sửa xe đạp, xe một bánh của trẻ em...

Repair Cafe không đảm bảo có thể sửa chữa mọi vật dụng mang đến, song các tình nguyện viên luôn cố gắng hết mình để mang lại sức sống mới cho mọi thứ.

Repair Café khuyến khích khả năng tự sửa chữa các vật dụng của những người tham gia, dạy cho họ cách thức sửa chữa đơn giản; góp phần giảm mức tiêu thụ tài nguyên và bảo vệ thiên nhiên; tạo cơ hội để mọi người làm quen với các giá trị chung của lối sống sinh thái lành mạnh, và nhận thức được tầm quan trọng của việc trân trọng, gìn giữ môi trường tự nhiên xung quanh.

Ngăn ngừa: Nga chuẩn bị cấm chôn lấp rác thực phẩm

Hiện nay, vấn đề xử lý rác thực phẩm đặc biệt cấp bách đối với Nga. Theo Cơ quan Giám sát Tự nhiên Liên bang Nga, năng lực tiếp nhận của các bãi chôn lấp hiện nay sẽ chỉ đủ cho 3-5 năm tới. Trong khi đó, rác thực phẩm chiếm

khoảng một nửa tổng lượng rác của cả nước. Nếu cấm chôn lấp, các nhà sản xuất sẽ cần tính toán cẩn trọng nhu cầu thị trường và hạ giá phần thực phẩm dư thừa, quyên góp cho tổ chức từ thiện (foodsharing) hoặc tái chế.

Nga thải khoảng 17 triệu tấn rác thực phẩm hàng năm, 94% số này được đưa đến các bãi chôn lấp, nơi rác sẽ biến thành nguồn ô nhiễm đất, nước và không khí, thải ra amoniac, hydro sunfua và methane, dẫn đến hiệu ứng nhà kính.

Vì vậy, Duma Quốc gia đã biểu quyết nhất trí đưa rác thực phẩm vào danh mục cấm chôn lấp. Để hiện thực hóa việc này, Sắc lệnh số 1589-r của Chính phủ Liên bang Nga ngày 25/7/2017 đang được nghiên cứu sửa đổi. Các quy định mới dự kiến sẽ bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/1/2022, để ngành quản lý chất thải có thời gian thích ứng.

Việc tái chế rác thực phẩm sẽ giảm tải đáng kể cho thiên nhiên, tiết kiệm chi phí cải tạo bãi rác và phục hồi môi trường. Ở các nước đã cấm chôn lấp rác thực phẩm, rác được ủ phân, tái chế thành nhiên liệu (biogas), thức ăn chăn nuôi. Lệnh cấm chôn lấp rác thực phẩm được thực hiện cực kỳ nghiêm ngặt tại Đức, Thụy Điển, Áo, Hà Lan, Tây Ban Nha, Canada, một số tiểu bang của Mỹ...

Nhu cầu về chế phẩm thu được từ quá trình ủ rác thực phẩm rất lớn; ngoài làm phân hữu cơ, các chế phẩm đó còn có thể được sử dụng để "xóa" các bãi chôn lấp cũ, để lấp các hố rãnh khi thi công làm đường... Việc cấm chôn lấp rác thực phẩm sẽ tạo ra những thói quen văn minh trong sử dụng đồ thực phẩm ở Nga.

Năm 2018, Western Cape (Nam Phi) đã công bố lệnh cấm hoàn toàn đối với việc chôn lấp rác thực phẩm kể từ năm 2027. Quyết định này xuất phát từ thực tế là lượng rác thực phẩm ngày càng lớn, chiếm xấp xỉ 40% tổng lượng rác thải hàng năm của cả nước.

Thay vì chôn lấp, việc sử dụng các công nghệ ủ phân đang được lên kế hoạch. Các bãi chôn lấp sẽ phải giảm dần việc tiếp nhận rác thực phẩm. Chính quyền các đô thị sẽ thiết lập các mục tiêu hàng năm, cũng như các quy trình để đạt được những mục tiêu đó. Lệnh cấm sẽ là áp lực lớn cho các nhà sản xuất và công ty quản lý rác thải, bởi những tổ chức này sẽ cần xem xét lại các quy trình sản xuất và quản lý./.

N. Leonid

<https://strelkamag.com/ru> 12/2019

ND: Lê Minh

Gỗ cải tiến có thể giúp các thành phố đạt được mục tiêu phát triển bền vững

"Đá là quá khứ, thép là hiện tại, và gỗ sẽ là tương lai." Đây là thông điệp được nhắc đến tại Hội chợ Giải pháp Gỗ tại Trung tâm Quốc tế ở Mississauga, Ontario, Canada. Hội chợ này đã công nhận gỗ là tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác. Hội đồng Gỗ Canada (CWC) đã xác định sáu hệ thống gỗ có khả năng cạnh tranh với bê tông và thép, gồm ba hệ thống khung gỗ nhẹ và ba hệ thống gỗ khối lượng lớn.

Theo các nhà khoa học, gỗ có thể được biến đổi thành một vật liệu cứng hơn thép nhờ một

quy trình đơn giản, không tốn kém. Trên thực tế, gỗ có thể được chế biến thành loại vật liệu bền hơn cả các hợp kim titan công nghệ cao, thậm chí có thể được sử dụng để tạo những tấm áo giáp có khả năng chống đạn.

CWC đã đi đến kết luận trên đây thông qua việc thu thập dữ liệu từ nhiều tổ chức, các kỹ sư, kiến trúc sư, nhà xây dựng, nhà cung cấp sản phẩm, nhà phát triển. Nhiều nghiên cứu cho thấy xây nhà thương mại thấp tầng ở Canada có thể hưởng lợi rất nhiều từ ngành gỗ. Trên

thực tế, gỗ cải tiến đã được sử dụng để xây dựng các tòa cao ốc. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những người làm việc trong các văn phòng “gỗ” khỏe mạnh và hạnh phúc hơn.

Nghiên cứu về gỗ đang tiến triển nhanh chóng. Các nhà khoa học đã đưa ra phiên bản cải tiến của gỗ - gỗ trong suốt, còn được coi là siêu vật liệu cho tương lai bền vững của các thành phố thông minh. Vật liệu có thể có độ trong suốt lên đến 90%, với các đặc tính cơ học được cải thiện so với gỗ nguyên tấm, gỗ thô.

Gỗ trong suốt được tạo ra lần đầu tiên vào năm 1992, bằng cách xử lý và nén các dải gỗ. Trong quá trình này, lignin (chất tạo nên thành tế bào) được thay thế bằng polymer khiến gỗ trở nên trong suốt.

Các đặc tính quang học của polymer phù hợp với tính chất quang học của gỗ. Với điều này, tia sáng không bị “bê đi” khi truyền qua gỗ. Tính chất trong suốt của gỗ mở ra một thế giới ứng dụng mới.

Timothée Boitouzet nghiên cứu kiến trúc ở Nhật Bản, nơi gỗ được sử dụng rộng rãi trong các tòa nhà để chống động đất. Tại đây ông đã phát hiện ra tiềm năng của gỗ. Điều này thôi thúc ông thành lập công ty khoa học vật liệu Woodoo của riêng mình tại Paris vào năm 2016. Hiện nay, công ty đã nghiên cứu để tăng cường các đặc tính vật lý và hóa học của gỗ.

Trọng tâm nghiên cứu của T.Boitouzet là thay thế thép bằng gỗ trong ngành xây dựng. Lý do nghiên cứu thay thế mà ông đưa ra: Chế tạo thép là quy trình rất công phu và tốn kém, còn gỗ đơn giản và rẻ hơn nhiều. Gần đây, Hội đồng Xây dựng Thế giới phát hiện ra 11% lượng khí thải toàn cầu phát sinh từ vật liệu và quá trình xây dựng. Tác động tiêu cực tiếp tục xảy ra khi các tòa nhà vẫn đang vận hành. Vật liệu gỗ có thể giúp ngành xây dựng giảm một lượng lớn khí thải carbon. Hơn nữa, trồng cây xanh không chỉ bù lại lượng gỗ được sử dụng mà còn chống lại sự biến đổi khí hậu.

Theo Boitouzet, trong xây dựng ngoài việc

làm cọc trụ đỡ, vật liệu gỗ cải tiến còn có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác, bởi gỗ cải tiến có độ cứng chắc gấp nhiều lần, chịu được các tác động bất lợi của thời tiết và chống cháy tốt hơn. Với việc khởi xướng một dự án mang tên Woodoo Augmented Wood, công ty đang nghiên cứu các trang bị thiết bị điện tử cảm ứng từ gỗ. Những tấm gỗ trong suốt sẽ được sử dụng cho “bảng điều khiển xúc giác” (tactile dashboards) trên ô tô. T.Boitouzet tuyên bố phiên bản cải tiến này của gỗ nhẹ hơn và tạo ít khí thải hơn so với các phiên bản truyền thống.

Với độ trong suốt mà gỗ mang lại, rất có thể trong tương lai, vật liệu sẽ thay thế kính trong các cửa sổ. Gỗ được sử dụng trong cửa sổ sẽ mang lại một số lợi ích nhất định, chẳng hạn cho thấy khả năng giữ nhiệt cao, có thể giúp kiểm soát nhiệt độ của các tòa nhà.

Céline Montanari và các đồng nghiệp tại Viện Công nghệ Hoàng gia KTH (Thụy Điển) đã cải tiến quy trình chế biến gỗ trong suốt trước đây. Nhóm nghiên cứu đã ngâm gỗ không chứa lignin trong polyethylene glycol (PEG). Đây là một loại polymer được tìm thấy trong máy hút thuốc lá và kem đánh răng. Gỗ gốc PEG được sử dụng trong các cánh cửa sổ sẽ giữ nhiệt tốt hơn. Loại gỗ này tuy không cách nhiệt tốt như gỗ tự nhiên, song tốt hơn kính hai lớp cao cấp tới 4 lần; hơn nữa, có thể phân hủy sinh học và chịu tải nặng. Khi không có ánh nắng, vật liệu sẽ hấp thụ nhiệt và duy trì để bên trong mát hơn bên ngoài. Về buổi đêm, lượng nhiệt này được giải phóng trong nhà để duy trì nhiệt độ ổn định.

Lars Bergland, giáo sư về gỗ và vật liệu tổng hợp gỗ tại Viện Công nghệ Hoàng gia KTH đã khám phá ra nhiều công dụng khác của gỗ trong suốt. Một trong những ứng dụng thú vị nhất là nhúng các chấm lượng tử vào gỗ để thiết kế đèn LED, tức là trần nhà sẽ là tấm gỗ có chức năng đèn LED. Nói cách khác, có thể chiếu sáng trong nhà trực tiếp từ trên trần nhà.

Đèn LED từ gỗ khác với những loại đèn

thông thường vì có đặc tính lan tỏa, tự nhiên hơn và dịu mắt hơn. WoodNano Tech - dự án của GS.Bergland đã tạo ra các tấm như vậy từ gỗ trong suốt. Loại gỗ này cũng có thể hỗ trợ phát triển các cửa sổ điện sắc (electrochromic windows). Các cửa sổ được phủ một lớp polymer mỏng. Khi có dòng điện đi qua, chúng có thể phát sáng.

Theo GS. Bergland, gỗ trong suốt còn có thể ứng dụng trong lĩnh vực năng lượng. Sử dụng vật liệu chuyển pha (phase-change material) thay vì polymer (thay cho lignin) có thể biến gỗ thành thiết bị lưu trữ năng lượng. Vào ban ngày, vật liệu hấp thụ nhiệt, và vào ban đêm khi nhiệt độ giảm xuống, vật liệu chuyển pha sẽ kết tinh, giải phóng nhiệt. Tuy nhiên, công nghệ này có nhược điểm là có khả năng thay đổi.

Hiện tại, GS.Bergland và nhóm của ông

đang nghiên cứu để làm cho vật liệu bền vững hơn. Ý tưởng của nghiên cứu này là giữ lại càng nhiều lignin càng tốt, chứ không bỏ đi. Từ trước đến nay, họ đang sử dụng các polymer có nguồn gốc từ dầu mỏ nhưng hiện tại họ đang khám phá các cách sử dụng polymer có nguồn gốc sinh học. Sản xuất gỗ tốt hơn với nhiều đặc điểm có lợi cho môi trường hơn có thể giúp xây dựng các công trình bền vững hơn. Gỗ trong suốt có tiềm năng trở thành vật liệu xây dựng bền vững nhất trong tương lai.

Các ứng dụng đã được khẳng định của gỗ trong suốt trong xây dựng sẽ mở ra những cơ hội chuyển đổi của ngành.

<https://www.smartcity.press/transparent-wood-sustainable-building-material/>

ND: Mai Anh

Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng

Ngày 1/10/2020, tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, trong đó có Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 với sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh. Dự hội nghị có đại diện các Sở Xây dựng địa phương, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thuộc các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam.

Phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết: thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong những năm qua, Bộ Xây dựng luôn chú trọng xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, đồng thời sửa đổi những quy định không còn phù hợp nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh cũng như đáp ứng tốt nhất các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Tại Hội nghị, Phó Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bùi Văn Dưỡng đã phổ biến những nội dung cơ bản của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, trong đó nhấn mạnh các quy định mới về cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng; bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực xây dựng; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan. Ông Bùi Văn Dưỡng cũng chuyển tải những thông tin được quy định trong Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết điểm đ, khoản 3, Điều 3, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công tác thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng.



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại Hội nghị

Liên quan đến công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Phó Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) Hoàng Anh Tuấn phổ biến nội dung chính của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Các Thông tư hướng dẫn đi kèm, nội dung Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 68/2019/NĐ-CP.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi giúp các đại biểu hệ thống hóa thông tin trong quá trình tham dự hội nghị, Ban tổ chức đã dành một phần thời gian để trao đổi, thảo luận, tiếp nhận cũng như giải đáp những băn khoăn, vướng mắc của các đại biểu liên quan đến những nội dung quy định trong các văn bản pháp luật về xây dựng.

Trong khuôn khổ hội nghị, TS. Nguyễn Trung Hòa - Nguyên Vụ trưởng Vụ Khoa học, công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) trình bày tham luận về “Chính sách phát triển Công trình xanh, Công trình hiệu quả năng lượng”. Đây là một trong những nội dung thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà quản lý, nhà đầu tư, doanh nghiệp, các kiến trúc sư, đơn vị tư

vấn hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và phát triển bền vững công trình xanh, công trình tiết kiệm năng lượng. Theo ông, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường là một trong những nội dung quan trọng của phát triển bền vững trong lĩnh vực xây dựng. Nhận thức được điều này, thời gian qua, với sự hỗ trợ, tham vấn của dự án nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng Việt Nam (Dự án EECB), Bộ Xây dựng đã nghiên cứu, đề xuất bổ sung vào dự thảo Luật Xây dựng sửa đổi một số nội dung liên quan đến các vấn đề này trong lĩnh vực xây dựng và đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.

Cụ thể, khoản 4, Điều 10, Luật Xây dựng (sửa đổi) bổ sung quy định: Nhà nước có chính sách khuyến khích nghiên cứu, áp dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đầu tư xây dựng; hoạt động đầu tư và chứng nhận công trình xây dựng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường; phát triển đô thị sinh thái, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Luật mới đồng thời sửa đổi, bổ sung Điều 161, quy định về trách nhiệm của Chính phủ: Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng; ban hành, chỉ đạo xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch bảo đảm đầu tư xây dựng hiệu quả, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm năng lượng (TKNL), tài nguyên, phát triển bền vững; sửa đổi Điều 162, khoản 2 quy định trách nhiệm của Bộ Xây dựng: Ban hành quy chuẩn quốc gia về xây dựng, văn bản hướng dẫn kỹ thuật xây dựng theo thẩm quyền



Toàn cảnh hội nghị

và tiêu chí về công trình xây dựng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng tài nguyên, đô thị sinh thái, đô thị thông minh.

Việc bổ sung các các nội dung về sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường trong Luật Xây dựng (sửa đổi) là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về TKNL và phát triển bền vững thông qua pháp luật, tạo điều kiện cho xã hội tham gia các dự án phát triển đô thị, nông thôn bền vững, TKNL và tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Trước đó, hội nghị Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng đã được Bộ Xây dựng tổ chức tại Hà Nội vào ngày 18/9/2020, dành cho đối tượng là đại diện các Sở Xây dựng địa phương, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thuộc các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc. Hội nghị đã giúp các đại biểu tham dự có được góc nhìn tổng quan và hệ thống về những nội dung, quy định mới nhất trong các văn bản pháp luật về xây dựng mới được ban hành.

Trần Đình Hà - Trang Trang

Bộ Xây dựng thẩm định đề án nâng loại đô thị của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Ngày 08/10/2020 tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Phú Mỹ-tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu đạt tiêu chuẩn đô thị loại III. Đại diện chính quyền địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Nguyễn Văn Thọ cùng lãnh đạo UBND thị xã Phú Mỹ, lãnh đạo các sở, ban ngành của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tham dự Hội nghị.

Theo Đề án, thị xã Phú Mỹ nằm ở phía tây tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là 1 trong 08 đơn vị hành chính của tỉnh. Ngày 7/10/2013, thị trấn Phú Mỹ mở rộng thuộc huyện Tân Thành được công nhận là đô thị loại IV. Ngày 12/4/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 492/NQ-UBTVQH14 thành lập thị xã Phú Mỹ trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của huyện Tân Thành. Sau khi thành lập, thị xã Phú Mỹ có diện tích xấp xỉ 33.384 ha; 10 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 5 phường Hắc Dịch, Mỹ Xuân, Phú Mỹ, Phước Hòa, Tân Phước và 5 xã Châu Pha, Sông Xoài, Tân Hải, Tân Hòa, Tóc Tiên. Năm 2019 dân số thường trú 169.600 người.

Thị xã Phú Mỹ có vị trí chiến lược quan trọng, là cửa ngõ ra biển Đông, cách Tp. Hồ Chí Minh chưa đến 50 km qua cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây cùng Quốc lộ 51 là đầu mối giao thông, giao thương của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và quốc tế. Thị xã Phú Mỹ cũng đang giữ vai trò chiến lược, khi được định hướng phát triển 5 mũi nhọn kinh tế của tỉnh - công nghiệp, cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng, du lịch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tại hội nghị, đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu và thị xã Phú Mỹ cho biết, sau 7 năm từ khi được công nhận là đô thị loại IV, thị xã Phú Mỹ đã có những bước tiến mạnh mẽ về mọi mặt, đặc biệt là trong lĩnh vực phát



Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn phát biểu tại HN

triển kinh tế - xã hội. Theo đó, mức tăng trưởng kinh tế bình quân 3 năm gần nhất đạt 15,5% - rất cao so với cả nước. Cùng với đó, tỷ lệ hộ nghèo ở mức rất thấp, chỉ 0,4%. Thu nhập bình quân đầu người/năm cao gấp 2,42 lần so với cả nước; riêng năm 2019 tổng thu ngân sách trên địa bàn thị xã Phú Mỹ đạt mức hơn 24 ngàn tỷ đồng. Có được những con số ấn tượng đó, trước hết cần nhắc tới vị trí địa lý vô cùng thuận lợi cho sự phát triển của đô thị Phú Mỹ: Cụm cảng nước sâu Thị Vải-Cái Mép (cụm cảng duy nhất ở Việt Nam có các chuyến tàu mẹ chở container đi trực tiếp châu Âu, châu Mỹ mà không phải trung chuyển qua nước thứ ba) với 35 bến cảng, nằm trong top 19 cảng biển lớn nhất thế giới và có tốc độ tăng trưởng trong nhóm nhanh nhất thế giới; hệ thống khu công nghiệp quy mô hơn 5.000 ha, với hạ tầng đồng bộ, được kết nối thông thoáng. Hiện nay, trên địa bàn Phú Mỹ có khu công nghiệp khí - điện - đạm Phú Mỹ với các nhà máy điện có tổng công suất lên đến 3.900 MW, chiếm gần 40% tổng công suất điện năng của cả nước. Ngoài ra, dự án đầu tư Trung tâm logistics Cái Mép Hạ và bến cảng Cái Mép hạ lưu đang triển khai có quy mô khoảng 1.168 ha, với tổng vốn đầu tư hơn 30 ngàn tỷ đồng.

Hàng năm, Phú Mỹ ưu tiên dành hơn 300 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách thị xã để phát

triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Đến nay hệ thống giao thông với các trục đường chính đã được hoàn thiện. Đặc biệt, khi sân bay Long Thành đưa vào khởi công, Phú Mỹ chỉ cách sân bay quốc tế Long Thành 25 km, đây sẽ là điều kiện thuận lợi để thị xã Phú Mỹ sớm trở thành trung tâm giao thương của cả quốc gia và khu vực.

Tại hội nghị, hai báo cáo phân biện của Vụ Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ) và Vụ Quy hoạch-Kiến trúc (Bộ Xây dựng), báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) và ý kiến của các thành viên Hội đồng đều đồng thuận cao với Đề án đề nghị công nhận thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt tiêu chuẩn đô thị loại III. Căn cứ theo các tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị, Hội đồng đã đánh giá Đề án đạt 87,77 điểm; với 32/59 tiêu chuẩn đạt mức cao như: chỉ tiêu thu gom chất thải rắn, rác thải y tế, viễn thông..., có chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I; 7/7 tiêu chuẩn của tiêu chí “Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội” đạt mức điểm tối đa 20/20 điểm.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đánh giá cao chất lượng của Đề án, đồng thời đánh giá cao sự nỗ lực của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thị xã Phú Mỹ trong công tác phát triển và mở rộng đô thị. Thứ trưởng đặc biệt nhấn mạnh vai trò, vị trí của Phú Mỹ đối với



Ông Nguyễn Văn Thọ-Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu tại HN

sự phát triển công nghiệp của cả nước, sức hút của đô thị Phú Mỹ đối với các nhà đầu tư và người lao động. Tuy nhiên theo Thứ trưởng, Đề án nên bổ sung nội dung đánh giá, rà soát công tác phát triển đô thị theo quy hoạch từ năm 2013 đến nay, trên cơ sở đó có những đề xuất phù hợp với thực trạng và xu thế phát triển. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cũng đề nghị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thị xã Phú Mỹ sớm đề ra những chương trình cụ thể để khắc phục một số tiêu chí còn thiếu và yếu trong Đề án và quan tâm đến chất lượng đô thị để ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia đã thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Phú Mỹ là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Ninh Hoàng Hạnh

Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Phú Quốc đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 8/10/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn chủ trì hội nghị.

Báo cáo tóm tắt thuyết minh Nhiệm vụ, đại diện đơn vị tư vấn (VIUP) cho biết: huyện đảo Phú Quốc có diện tích 589,27 km² với 99 ngọn núi trập trùng và dải rừng nguyên sinh trùng điệp, những bãi biển đẹp trải dài từ phía Bắc đến Nam đã tạo cho hòn đảo này bức tranh

“sơn thủy hữu tình,” tiềm năng du lịch dồi dào, phong phú. Đặc biệt năm 2006, Khu dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, trong đó có Phú Quốc, là niềm vinh dự tự hào của người dân huyện đảo.

Ngày 11/5/2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung (QHC) đảo Phú Quốc đến năm 2030 tại Quyết định số 633/QĐ-TTg. Một số nội dung của QHC được tiếp tục điều chỉnh vào các năm 2014 và 2015. Ngày 22/5/2013, Khu kinh tế (KKT) Phú Quốc được thành lập theo Quyết định số 31/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đó là những cơ sở pháp lý quan trọng giúp Phú Quốc đạt được những thành tựu phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội. Đến nay, sau 10 năm thực hiện Quyết định số 633/QĐ-TTg, Phú Quốc đã có vị thế đặc biệt, tầm cỡ quốc gia và quốc tế, đồng thời chuẩn bị được thành lập đô thị và định hướng phát triển đạt tiêu chuẩn đô thị loại I. Trong những năm qua, kinh tế Phú Quốc đã phát triển nhanh chóng, cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, tăng tỷ trọng các ngành thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Trong đó, du lịch và các dịch vụ du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn trên đảo.

Hiện nay, Phú Quốc đang thu hút ngày càng nhiều các tập đoàn lớn đầu tư vào lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng như: Vingroup, Sun Group, CEO, BIM... Năm 2019, toàn huyện đảo có khoảng 620 cơ sở lưu trú với khoảng 20.828 buồng phòng, lượng khách du lịch đạt 2,75 triệu lượt, tăng trung bình 36,98%/năm trong giai đoạn 2013 -2019. Tuy nhiên, cơ cấu khách du lịch chủ yếu vẫn là khách nội địa, khách quốc tế chỉ chiếm khoảng 20 - 30% tổng lượng khách hàng năm. Điều này cho thấy Phú Quốc vẫn chưa tạo được sức hút mạnh mẽ đối với thị trường du lịch quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc lập quy hoạch



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại hội nghị

chung xây dựng KKT Phú Quốc đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết, nhằm kịp thời khắc phục những bất cập, đề xuất những chiến lược, giải pháp đảm bảo và nâng cao hiệu quả, chất lượng và tính bền vững trong phát triển Khu kinh tế. Phạm vi lập quy hoạch chung xây dựng KKT Phú Quốc đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 gồm toàn bộ huyện đảo Phú Quốc (589,27km²) và vùng biển liên quan, dân số 146.028 người (thống kê năm 2019).

Mục tiêu lập quy hoạch nhằm định hướng phát triển KKT Phú Quốc với tầm nhìn dài hạn, đáp ứng một cách tối ưu các yêu cầu phát triển trong ngắn và trung hạn; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn di tích lịch sử văn hóa và bảo đảm an ninh quốc phòng; phát triển KKT Phú Quốc thành đô thị biển đảo đặc sắc, là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ có bản sắc, chất lượng cao; làm cơ sở pháp lý để quản lý, hướng dẫn, khuyến khích phát triển kinh tế xã hội và lập các dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn tiếp theo.

Nhiệm vụ đưa ra quan điểm và định hướng quy hoạch cũng như các nguyên tắc về tổ chức không gian, kiến trúc, kết nối hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở xây dựng đồ án quy hoạch. Nội dung đồ án quy hoạch cần dựa trên những phân tích, đánh giá các mối quan hệ liên vùng, liên khu vực, điều kiện tự nhiên, môi trường cảnh quan, thực trạng xây dựng, hiện trạng dân cư, xã hội, di tích lịch sử văn hóa. Bên cạnh đó, đồ án quy

hoạch cần xác định mục tiêu, chiến lược và động lực phát triển, tính chất, quy mô dân số, quy mô đất xây dựng, đồng thời đưa ra các giải pháp quy hoạch sử dụng đất đảm bảo đáp ứng linh hoạt nhu cầu phát triển của đô thị, đề xuất định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật KKT Phú Quốc phù hợp với các điều kiện hiện trạng và bối cảnh phát triển mới,

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ, các thành viên Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong các lĩnh vực quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, văn hóa, giao thông, quốc phòng an ninh... để đơn vị tư vấn tiếp thu và phối hợp với UBND huyện Phú Quốc hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ.

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị đơn vị tư vấn tập trung rà soát các quy hoạch chung đã và đang được triển khai thực hiện ở Phú Quốc, đánh giá cụ thể các ưu điểm, bất cập trong quá trình thực hiện các quy hoạch này, làm cơ sở đề xuất những nội dung cần thiết trong đồ án quy hoạch.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị đơn



Toàn cảnh hội nghị

vị tư vấn nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, trong đó chú trọng đặc biệt công tác dự báo về dân số, sử dụng đất đai, các nội dung về bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan đô thị ở Phú Quốc, tích cực phối hợp với UBND huyện Phú Quốc và UBND tỉnh Kiên Giang, sớm hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Trần Đình Hà

Trung Quốc: Làm sao sử dụng tốt Quỹ Tiết kiệm nhà ở trong thời đại mới

Lịch sử phát triển Quỹ Tiết kiệm nhà ở tại Trung Quốc cho thấy: chế độ Quỹ Tiết kiệm nhà ở đóng vai trò bộ phận cấu thành quan trọng trong chế độ nhà ở của Trung Quốc, là chế độ nhà ở xã hội ra đời trong bối cảnh lịch sử đặc biệt với việc cải cách nhà ở và không ngừng phát triển đổi mới nhằm thích ứng với xu thế kinh tế xã hội mới. Trong hơn hai thập kỷ qua, Quỹ Tiết kiệm nhà ở luôn chú trọng xây dựng tính đảm bảo, tính tương tác, tính lâu dài và tính bắt buộc, đồng thời phát huy tác dụng hết sức to lớn trong mọi mặt đời sống xã hội - cải thiện cuộc sống của người dân, thúc đẩy tiêu thụ nhà ở, đẩy nhanh xây dựng đô thị kiểu mới, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội ... Bước vào

thời đại mới, mâu thuẫn xã hội đã chuyển thành “mâu thuẫn giữa sự phát triển về nhu cầu cuộc sống tốt đẹp ngày càng đi lên của người dân và sự phát triển không cân bằng, không đầy đủ”, mâu thuẫn nảy sinh giữa tình hình quản lý vận hành Quỹ Tiết kiệm nhà ở và nhu cầu khác biệt và đa dạng của người dân hiện nay đã trở thành những trở ngại cơ bản trong sự phát triển Quỹ Tiết kiệm nhà ở tại Trung Quốc.

1. Những yêu cầu mới trong phát triển bất động sản của thời đại mới

1.1. Thay đổi quan niệm “Nhà để ở, không phải để đầu cơ”

Kể từ khi cải cách chế độ nhà ở, việc mua nhà ở thương mại đã trở thành cách thức cơ bản

để người dân giải quyết hoặc cải thiện vấn đề nhà ở; thị trường bất động sản đạt được sự phát triển vượt bậc, không chỉ giải quyết và cải thiện nhu cầu nhà ở của hàng nghìn hộ gia đình, mà còn thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Về mặt lý thuyết, bất động sản đồng thời có hai thuộc tính quan trọng là tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, trong đó thuộc tính hàng tiêu dùng lại lớn hơn nhiều so với thuộc tính tư liệu sản xuất. Do thiếu việc làm rõ và định hình chính sách, một khoảng thời gian dài trước đây, nhà ở được coi là công cụ đầu cơ, kiếm lời, thị trường bất động sản tư bản hóa cao độ, không chỉ khiến giá nhà cao khiến người lao động nói chung khó lòng nghĩ tới, mà thậm chí còn khó khăn đối với cả người dân thành thị. Nền kinh tế cũng bị bất động sản tác động, một lượng vốn lớn bị biến từ thực thành ảo đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển lành mạnh của các ngành kinh tế khác.

Đối mặt với giai đoạn phát triển nhà ở mới, cần thay đổi xu hướng nhấn mạnh quá mức các thuộc tính kinh tế của nhà ở, để nhà ở trở về với bản chất là nơi cư trú. Đối với những chênh lệch về thu nhập khác nhau, khu vực khác nhau, cần căn cứ nguyên tắc phân tầng và phân chia đô thị, xác định chính xác các thuộc tính của các loại sản phẩm nhà ở. Đóng vai trò là một trong những công cụ quan trọng để điều tiết kiểm soát thị trường nhà ở, Quỹ Tiết kiệm nhà ở cũng cần được điều chỉnh tương ứng với sự thay đổi của thị trường.

1.2. Cấu trúc thị trường nhà ở “Phân khúc cao có thị trường, phân khúc giữa có hỗ trợ, phân khúc thấp có đảm bảo”

Nói một cách cụ thể, đối với các gia đình có thu nhập thấp và gặp khó khăn về nhà ở, việc thực hiện mục tiêu quan trọng nhất “có nhà để ở” cũng là nội dung quan trọng nhất. Các cấp chính quyền đều đang gấp rút nghiên cứu thực thi các biện pháp nhằm giải quyết vấn đề an sinh này. Đối với các gia đình có mức thu nhập trung bình, chính quyền cần đưa ra sự hỗ trợ



Cục trưởng Trần Quốc Thái phát biểu kết luận Hội nghị

dưới nhiều hình thức, đảm bảo việc cư trú cơ bản. Ví dụ: thành phố Thượng Hải bán đấu giá một số lô đất thuần túy cho thuê. Những mảnh đất này được định hướng cung cấp cho các doanh nghiệp nhà nước, nhà ở được xây dựng chỉ có thể cho thuê mà không được bán, giá thuê sau khi hoàn thành thấp hơn giá thị trường.

Đối với các gia đình có mức thu nhập cao, giải quyết và cải thiện nhà ở chủ yếu được thực hiện thông qua thị trường. Đối với thị trường nhà ở thương mại, cần hạn chế mở rộng quá mức các thuộc tính đầu tư, hạn chế các hành vi đầu cơ bất động sản, hình thành môi trường lành mạnh, có trật tự của thị trường. Điều này vừa có thể đáp ứng nhu cầu cư trú ngày càng cao của đông đảo người dân, vừa có thể thúc đẩy sự phát triển tổng thể, phát huy tác dụng mang tính quyết định của việc phân bổ nguồn lực thị trường.

1.3. Chế độ nhà ở “Nhiều chủ thể cung cấp, nhiều kênh đảm bảo, thực hiện đồng thời thuê và mua”

Để giải quyết mâu thuẫn bất cân bằng và không đầy đủ trong phát triển nhà ở, Báo cáo của Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIX đã chỉ ra cần hoàn thiện “chế độ nhà ở nhiều chủ thể cung cấp, nhiều kênh đảm bảo, thực hiện đồng thời thuê và mua”. Đây là phương hướng chủ đạo khi đi sâu cải cách thị trường nhà ở trong thời đại mới. Biện pháp cụ thể là cần căn cứ vào nhu cầu nhà ở khác nhau, hình thành phương thức cung

ứng của chủ thể tương ứng, để cuối cùng quy hoạch tổng thể trở thành hệ thống nhà ở đa chủ thể, đa kênh. “Nhiều chủ thể cung cấp” thể hiện một điều: ngoài thị trường và Chính phủ, sẽ có nhiều loại hình chủ thể cung ứng nhà xuất hiện. “Nhiều kênh đảm bảo” có nghĩa là nhà ở không thể chỉ dựa vào nguồn đầu tư tài chính của các cấp chính quyền và kênh phân phối tài nguyên công cộng, mà cần tận dụng tài nguyên với nhiều loại hình thức, nhiều tính chất. “Thực hiện đồng thời thuê và mua” có nghĩa là thị trường cho thuê sẽ có cơ hội phát triển mạnh nhằm hoàn thiện hệ thống đảm bảo cung ứng nhà ở.

Đối với việc phát huy chức năng đảm bảo nhà ở và chức năng chính sách tài chính nhà ở của Quỹ Tiết kiệm nhà ở, cần phải nghiên cứu đầy đủ những yêu cầu mới, những thay đổi mới và những thách thức mới trong chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, cải cách sâu rộng toàn diện chế độ Quỹ Tiết kiệm nhà ở, nâng cao năng lực đảm bảo của Quỹ.

2. Thực trạng thể chế quản lý Quỹ Tiết kiệm nhà ở hiện nay. Những tồn tại

2.1. Rủi ro trong vận hành vốn của Quỹ Tiết kiệm nhà ở

Quỹ Tiết kiệm nhà ở là tiết kiệm “tiền mua nhà” cho người lao động, sự tích lũy của Quỹ được hình thành nhờ sự tích lũy của đồng đảo người lao động, phạm vi bao phủ rộng, thời hạn dài lâu, quản lý tốt việc này là nhiệm vụ quan trọng và cơ bản nhất của Quỹ Tiết kiệm nhà ở. Tuy nhiên, quá trình sử dụng và quản lý thường ngày của Quỹ Tiết kiệm nhà ở vẫn tồn tại một số lỗ hổng và vấn đề như sau:

Trước hết là việc biến thủ quỹ. Chẳng hạn một số địa phương biến thủ quỹ để tiến hành đầu tư với rủi ro cao. Một số doanh nghiệp cũng biến thủ Quỹ Tiết kiệm nhà ở để tiến hành kinh doanh sản xuất, hoặc chuyển sang trả lương.

Việc vận hành quỹ cũng tồn tại những rủi ro nhất định. Do trình độ phát triển kinh tế của các địa phương khác nhau, đã có những hiện tượng như quỹ vận hành quá phân tán; lợi nhuận đầu

tư không cao thậm chí không có; mức chuyên nghiệp hóa thấp ... Từ đó, Quỹ Tiết kiệm nhà ở khó có thể phát triển, và sau một thời gian sự an toàn của Quỹ cũng bị ảnh hưởng.

Cuối cùng, việc quản lý Quỹ Tiết kiệm nhà ở thiếu những điều kiện pháp lý trong thủ tục cho vay, kiểm tra thẩm duyệt lỏng lẻo. Về mặt quản lý và sử dụng Quỹ Tiết kiệm nhà ở cũng thiếu thể chế quản lý giám sát và các quy định pháp luật. Việc thực thi các quy định pháp luật hành chính của Quỹ khá khó khăn, trong đó, quyền hạn hành chính không đủ.

2.2. Tính đảm bảo nhà ở của Quỹ Tiết kiệm nhà ở chưa đáp ứng đủ

Chức năng đảm bảo của Quỹ Tiết kiệm nhà ở Trung Quốc chủ yếu thể hiện ở việc hỗ trợ cho vay để mua nhà. Hiện tại, Quỹ không có hệ thống lãi suất độc lập, cũng chưa xây dựng được phạm vi lãi suất dựa theo mức thu nhập để phân bổ lãi suất hướng tới nhóm người có thu nhập thấp. Đối với những nhóm có mức thu nhập cao hơn, sự tích lũy của Quỹ càng nhanh, nhu cầu mua nhà của họ càng dễ đạt được. Trong khi đó, nhóm người có mức thu nhập thấp do cần nhiều thời gian hơn để chờ sự tích lũy trong Quỹ Tiết kiệm nhà ở sẽ không thể thụ hưởng thuận lợi các ưu đãi từ chế độ Quỹ Tiết kiệm. Sự hạn chế trong thiết kế chế độ không chỉ hạn chế chức năng đảm bảo của Quỹ Tiết kiệm nhà ở, mà còn thúc đẩy thị trường bất động sản. Nhìn từ tình hình cho vay mua nhà từ Quỹ Tiết kiệm nhà ở của các địa phương cho thấy: tỷ lệ người thu nhập thấp không cao, trong khi đó các hộ gia đình có thu nhập trung bình và cao mua nhà khá nhiều, đồng thời còn mua nhiều tài sản nhà ở và đã kích thích nhu cầu đầu tư mua nhà, điều này đã khiến chức năng đảm bảo của Quỹ Tiết kiệm nhà ở bị suy yếu, tính công bằng trong chế độ cũng bị ảnh hưởng. Điều này giúp cho những người có mức thu nhập trung bình và cao càng hưởng lợi nhiều hơn từ các chính sách ưu đãi, thậm chí xuất hiện quan niệm Quỹ Tiết kiệm nhà ở “hại người

nghèo để giúp người giàu”.

2.3. Chức năng của chế độ Quỹ Tiết kiệm nhà ở đơn nhất

Chức năng của Quỹ Tiết kiệm nhà ở của Trung Quốc khá đơn nhất, tuy nhiên nhu cầu đảm bảo của xã hội lại rất đa dạng. Quỹ Tiết kiệm nhà ở chỉ được rút khi nhà đầu tư xây dựng (người mua, cho thuê, cải tạo nhà) khó đáp ứng nhu cầu đa dạng hơn của người dân. Năm 2015, “Điều lệ Quản lý Quỹ Tiết kiệm nhà ở” được sửa đổi, nội dung chủ yếu bao gồm: 4 lần hạ thấp lãi suất, thúc đẩy các khoản cho vay bên ngoài, tăng mức tiền cho vay, giảm tỷ lệ thanh toán, nới rộng điều kiện rút tiền, thúc đẩy vững chắc công tác tiền gửi. Tuy nhiên, khi chính sách được thực thi, không có biện pháp cụ thể tương ứng để tiến hành theo dõi, vấn đề chức năng chế độ Quỹ Tiết kiệm nhà ở đơn nhất vẫn không được giải quyết một cách căn bản gây ảnh hưởng tới việc phát huy đầy đủ chức năng đảm bảo của Quỹ.

3. Kiến nghị các biện pháp thúc đẩy Quỹ Tiết kiệm nhà ở phát triển với chất lượng cao

3.1. Xây dựng nền tảng sử dụng và điều tiết thống nhất quỹ, nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng Quỹ

Hiện tại, Quỹ Tiết kiệm nhà ở lấy cộng đồng đô thị làm đơn vị để tiến hành quản lý và kinh doanh, hệ thống và mô hình quản lý quỹ khá phân tán, hiệu suất thấp, thậm chí xuất hiện những rủi ro về quỹ như đã nói. Trung Quốc không có thể chế và cơ chế vận hành từ trên xuống dưới, chỉ có nhiều mô hình tự kinh doanh, tính lưu thông của Quỹ Tiết kiệm nhà ở trong phạm vi toàn quốc không cao, hiện tượng bất cân bằng khu vực khá nổi bật. Việc xây dựng nền tảng sử dụng và điều tiết thống nhất có thể hình thành sự quy mô hóa Quỹ Tiết kiệm nhà. Việc quản lý quỹ thống nhất và việc kinh doanh quỹ với trình độ cao có thể nâng cao tính khoa học trong điều tiết Quỹ, giảm thiểu tình trạng mất cân bằng trong tồn lượng quỹ, nâng cao tỷ lệ gia tăng của quỹ; Có thể giảm thiểu rủi ro vi

phạm sử dụng quỹ. Vì vậy, việc xây dựng nền tảng sử dụng và điều tiết thống nhất Quỹ không chỉ có thể nâng cao hiệu suất sử dụng Quỹ, mà còn có thể nâng cao mức độ đảm bảo; phá vỡ sự quản lý riêng rẽ của các đơn vị quản lý, góp phần xóa bỏ sự thiếu nhất quán về mặt khoa học và kinh doanh chuyên nghiệp; giúp quản lý an toàn và quản lý giám sát quy phạm của Quỹ.

3.2. Tăng cường tập hợp và mở rộng Quỹ Tiết kiệm nhà ở, không ngừng thúc đẩy tích lũy hiệu quả Quỹ

Việc thanh toán Quỹ Tiết kiệm nhà ở dựa theo nguyên tắc tự nguyện và dựa trên nguyên tắc “tăng thu giảm chi”.

Thứ nhất, triển khai mở rộng phạm vi thanh toán Quỹ Tiết kiệm nhà ở, mở rộng hoạt động của Quỹ tới các đơn vị tổ chức, tổ chức kinh tế và tổ chức xã hội, gia tăng nguồn Quỹ, mở rộng toàn diện phạm vi đảm bảo của Quỹ.

Thứ hai, thi hành nghiêm chế độ đóng quỹ, đôn đốc các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức đóng Quỹ Tiết kiệm nhà ở cho người lao động. Năm 2017, Bộ Nhà ở & Xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đề ra Thông tư về việc bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động khi ký quỹ mua nhà từ Quỹ Tiết kiệm nhà ở, trong đó nêu rõ yêu cầu: doanh nghiệp khai thác bất động sản không được từ chối người lao động ký quỹ sử dụng Quỹ Tiết kiệm nhà ở để vay tiền mua nhà ở; các trung tâm quản lý Quỹ Tiết kiệm nhà ở cần hình thành cơ chế linh động, đảm bảo quyền lợi của người lao động khi ký quỹ không bị xâm phạm; các cơ quan cần chia sẻ tài nguyên thông tin, tăng cường hợp tác, tập trung triển khai, đề ra các chính sách và quy định pháp luật để có thể tăng cường nhận thức và tín nhiệm của đông đảo người dân đối với Quỹ Tiết kiệm nhà ở nhằm bảo vệ tốt quyền lợi của người nộp quỹ.

Thứ ba, đối với việc cung cấp tài chính ra bên ngoài của Quỹ Tiết kiệm nhà ở đổi mới, cần tăng cường hợp tác với các ngân hàng thương

mại, nâng cao sự kết hợp giữa khoản vay từ Quỹ Tiết kiệm nhà ở và khoản vay nhà ở thương mại, trên cơ sở kiên trì “không đầu cơ nhà ở”, lấy trọng tâm là những người cần nhà, người có thu nhập thấp và những người dân đô thị mới, hỗ trợ nhu cầu xây dựng và mua nhà ở của họ, đáp ứng yêu cầu mua nhà của đông đảo người dân, cải thiện mức độ công bằng trong hoạt động của Quỹ, thực hiện mục tiêu “có nhà để ở” của Quỹ.

3.3. Hoàn thiện chính sách trích xuất Quỹ Tiết kiệm nhà ở, nỗ lực mở rộng lợi ích của Quỹ Tiết kiệm nhà ở

Căn cứ “Điều lệ Quản lý Quỹ Tiết kiệm nhà ở” của Quốc vụ viện Trung Quốc, cần nhanh chóng đưa ra các chính sách và biện pháp thực thi, thúc đẩy Quỹ Tiết kiệm nhà ở có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người nộp quỹ. Có thể học tập kinh nghiệm tiên tiến của nước ngoài, chẳng hạn chế độ Quỹ Tiết kiệm trung ương của Singapore thống nhất dưỡng lão, nhà ở, y tế, giáo dục làm một và phát triển khá hoàn thiện. Việc nộp quỹ dự phòng tại Singapore mang tính phổ biến và ổn định, nguồn vốn được thanh toán đủ, phương thức thanh toán bắt buộc đảm bảo cho việc tận dụng tuần hoàn quỹ xây dựng nhà ở công, chính phủ thông qua các phương thức như xây dựng nhà ở, cho vay, hỗ trợ... để giải quyết vấn đề nhà ở của những người dân có nhu cầu khác nhau, hệ thống đảm bảo nhà ở tương đối hoàn chỉnh, hơn nữa lại kết

hợp hiệu quả với cơ chế thị trường, vấn đề nhà ở đã được giải quyết có hiệu quả. Vì vậy, về vấn đề rút Quỹ, có thể làm thử nghiệm như sau:

- Về việc rút Quỹ Tiết kiệm nhà ở: cho phép người lao động đặc biệt nghèo khó, người mất sức lao động hoặc gần mất sức lao động (do bệnh nặng, thiên tai nặng nề, biến cố gia đình nghiêm trọng) được rút Quỹ Tiết kiệm nhà ở;

- Về việc cho vay để xây và mua nhà ở: đưa ra điều kiện định hướng các hộ gia đình thu nhập thấp, điều chỉnh tăng tỷ lệ cho vay để mua nhà ở xã hội;

- Đối với người lao động tự do và hộ cá thể không thuộc đơn vị tổ chức và doanh nghiệp nào, cần đưa ra biện pháp nộp quỹ và biện pháp cho vay có liên quan.

Quỹ Tiết kiệm nhà ở là một bộ phận quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra những yêu cầu mới đối với chế độ và chính sách nhà ở, đó là: đảm bảo nhà ở cơ bản tiếp cận toàn bộ các công dân, trong đó Quỹ Tiết kiệm nhà ở đóng vai trò công cụ quan trọng để thực thi toàn diện sự đảm bảo này.

Hoàng Hiểu Hoa

*TC Xây dựng đô thị và nông thôn,
số 19/2019*

ND: Kim Nhạn

Kinh nghiệm thế giới trong thiết kế, xây dựng và vận hành các trung tâm chăm sóc sức khỏe

Trung tâm chăm sóc sức khỏe là các cơ sở chuyên môn cung ứng các dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa thể chất, nghỉ dưỡng, y tế, thẩm mỹ và dinh dưỡng lành mạnh. Một trung tâm chăm sóc sức khỏe tiêu chuẩn có năm chức năng bắt buộc: thể thao, chẩn trị y học, nghỉ dưỡng, thẩm mỹ và dinh dưỡng lành mạnh. Các

chức năng mở rộng có thể gồm khách sạn, khu vực trưng bày triển lãm, thương mại. Sản phẩm, khối hành chính và khu vực dành cho trẻ em cũng là một phần của các trung tâm chăm sóc sức khỏe, song không có ý nghĩa quyết định tính đặc thù của công trình loại này, và vốn có trong các loại công trình công cộng khác.



Trung tâm chăm sóc sức khỏe Chistye Prudy (Moskva, Nga)

Thuật ngữ “wellness” ngụ ý lối sống lành mạnh, bản chất là duy trì sức khỏe thể chất và tâm lý, dinh dưỡng hợp lý, từ bỏ những thói quen không tốt và đạt được sự cân bằng trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Thuật ngữ lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1650 trong Từ điển Cambridge. Khác với fitness, wellness có nghĩa rộng hơn, hàm ý cách tiếp cận có hệ thống - sử dụng tổng hợp các biện pháp chăm sóc sức khỏe bao gồm chế độ ăn uống, các chương trình phục hồi chức năng, sức khỏe tâm lý, tập luyện chức năng. Năm 1975, Trung tâm chăm sóc sức khỏe đầu tiên trên thế giới - The Wellness Resource Centre - được khánh thành tại Mill Valley, California (Mỹ). Theo các số liệu thống kê của Viện Chăm sóc sức khỏe toàn cầu năm 2018, ngành công nghiệp chăm sóc sức khỏe của thế giới đã đạt doanh thu 4,2 nghìn tỷ USD.

Theo các số liệu của Hiệp hội các chuyên gia chăm sóc sức khỏe quốc tế, hiện trên thế giới có gần 13 nghìn trung tâm chăm sóc sức khỏe đang hoạt động, 3% trong số đó là những công trình có giải pháp kiến trúc rất ấn tượng. Loại công trình này đã được nghiên cứu kỹ lưỡng về cấu trúc quy hoạch, tính liên kết của các khối chức năng, các đặc điểm của giải pháp kiến trúc, xếp hạng dịch vụ, phương thức hòa nhập với môi trường đô thị, sơ đồ quy hoạch, vị trí của từng công trình trong 4 vùng môi trường đô thị: trung tâm, giữa, ven đô, ngoại ô.

Ở khu vực Bắc Mỹ, tại 25 thành phố lớn của Canada có 330 trung tâm chăm sóc sức khỏe,



Trung tâm chăm sóc sức khỏe thuộc trường ĐH Worcester bang Massachusset (Mỹ) đạt chứng nhận LEED Gold năm 2016

trọng tâm hoạt động là phục hồi chức năng và phục hồi sau khi điều trị các chứng nghiện (rượu, ma túy). Các công trình loại này đều được xây biệt lập, điển hình như Wellness Within Health, Spa & Yoga Center (Edmonton), The Savannah Wellness Retreat (Lake Ontario), Rosedale Wellness Center (Toronto). Đặc điểm phục hồi chức năng có ảnh hưởng lớn tới kiến trúc các công trình. Vấn đề quy hoạch rất được chú trọng – các công trình mặc định ở khu vực ngoại ô do những yếu tố sinh thái, và cả việc giảm thiểu nguy cơ khách hàng quay lại với rượu và ma túy. Các trung tâm là những tổ hợp với lối là khối khách sạn, y tế; trong khoảng cách đi bộ giữa các khối này có các nhà khách nhỏ. Các giải pháp kiến trúc của các công trình là những mẫu hình thức cổ điển và giải pháp màu sắc. Tỷ lệ và công thái học của các công trình (mỗi tầng cao không quá 4 - 5 mét, số tầng chỉ từ 1 - 4) góp phần hài hòa các công trình này với cảnh quan xung quanh.

Tại Mỹ - quê hương của khái niệm “wellness”- số lượng các công trình loại này xấp xỉ 3600 tại 25 thành phố lớn, chiếm tỷ lệ 1/10,3 nghìn người dân. Theo Ban chuyên trách các vấn đề kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc, tỷ lệ dân số thành thị của Mỹ là 81,4%. Cần lưu ý số lượng lớn trung tâm (khoảng 1700) nằm tại các vùng ngoại ô, còn lại được phân bố đều khắp các khu vực trung tâm, giữa thành phố và ven đô. Sự phân chia như vậy xuất phát từ đặc điểm lối sống của người dân Mỹ, phần lớn sống

ở các vùng ngoại ô, do đó nhu cầu về dịch vụ của các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe ở những khu vực này tăng cao.

Mỹ cũng đặc thù bởi các trung tâm chăm sóc sức khỏe nằm trong khuôn viên các làng sinh viên. Điều này được lý giải bằng chính sách pháp luật về chăm sóc sức khỏe của công dân lứa tuổi thanh niên và trung niên ở quy mô toàn quốc. Do tỷ lệ người thừa cân ngày càng tăng, nhất là ở giới trẻ, việc xây dựng bắt buộc các trung tâm chăm sóc sức khỏe tại các làng sinh viên trở nên hợp lý, có căn cứ, ví dụ Campus Recreation and Wellness Center (Iowa), San Marcos, CA campus wellness center (California), Georgia College & State University Wellness and Recreation Center (Georgia)... Những dịch vụ chiếm ưu thế trong những trung tâm dành cho sinh viên là các chương trình thể thao phục hồi và tăng cường thể lực, từ đó quy định việc phân vùng chức năng: phần lớn diện tích dành cho các trung tâm thể thao với các phòng tập, phòng dành cho các chương trình nhóm, bể bơi. Điểm khác biệt trong các giải pháp kiến trúc của các trung tâm này là: vách ngăn bên trong giữa các phòng tập thể thao từ các vật liệu trong suốt và bóng mờ; hình thức kiến trúc đơn giản; chiều cao tầng trên 3m đến 5 - 6m.

Giống như Mỹ, người dân EU có xu hướng liên hệ với các nhà tâm lý học khi gặp các vấn đề về tâm lý, cảm xúc. Hệ thống chăm sóc sức khỏe phát triển và mật độ dân số không ngừng gia tăng đã thúc đẩy việc phát triển các trung tâm chăm sóc sức khỏe tại các nước EU. Những trung tâm đầu tiên được mở trong các khách sạn, về sau bắt đầu được thiết kế như những cấu trúc độc lập. Tỷ lệ trung bình là 1/31,4 nghìn người. Tổng số trung tâm tại các nước EU là 2269, được phân bố đồng đều trong bốn vùng môi trường đô thị. Tỷ lệ cao do mức tài chính, các chỉ số kinh tế xã hội và mức sống cao nói chung của các nước châu Âu. Về nguyên tắc, hầu hết các trung tâm chăm sóc

sức khỏe tại châu Âu ngoài các khối chức năng cơ bản luôn có khách sạn, và thời gian lưu trú tại đây dài hơn, kể cả so với Mỹ. Các nước có số lượng trung tâm nhiều nhất là Áo, Đức và Vương quốc Anh.

Tại châu Á, Hàn Quốc là quốc gia có số lượng trung tâm chăm sóc sức khỏe rất lớn - 1182 cơ sở tại 15 thành phố lớn (tỷ lệ 1/25 nghìn dân). Dân số thành thị chiếm 82,4% dân số cả nước. Tốc độ phát triển nhanh của các cụm đô thị và mức độ ứng dụng các thành quả của tiến bộ khoa học - công nghệ vào đời sống rất cao là những xu hướng phát triển cơ bản của Hàn Quốc. Ngoài việc đơn giản hóa và tự động hóa các hoạt động thường ngày, những xu hướng này cũng dẫn đến việc thay thế giao tiếp cá nhân bằng các cơ chế robot khác nhau. Hơn nữa, người dân Hàn Quốc có đặc điểm "tham công tiếc việc". Tất cả những yếu tố trên đưa đến sự phổ biến các trung tâm chăm sóc sức khỏe cũng như nhu cầu cao của người dân đối với loại công trình này. Các giải pháp kiến trúc của dạng công trình này đặc thù bởi tính tương lai và quy mô - thường là các cấu trúc nhiều tầng, hoặc các cấu trúc được tích hợp trong các tòa nhà văn phòng. So với các nước khác, chức năng mỹ phẩm - làm đẹp trong các trung tâm chăm sóc sức khỏe của Hàn Quốc rất phát triển.

Qua khảo sát và thống kê tại 15 thành phố lớn nhất châu Phi, tỷ lệ bình quân 1/200 nghìn người dân là con số rất bé. Những vấn đề như thiếu lương thực, xung đột vũ trang, truyền thống tôn giáo là nguyên nhân tỷ lệ thấp của các trung tâm chăm sóc sức khỏe tại đây; chủ yếu chỉ tập trung tại các khu vực trung tâm và ngoại ô các thành phố. Chỉ riêng ba khu vực đô thị - Lagos (Nigeria), Johannesburg (Nam Phi) và Cape Town (Nam Phi) đã tập trung tới 70% số trung tâm của cả châu lục.

Tại Liên bang Nga, trung tâm chăm sóc sức khỏe đầu tiên Sana (Moskva) bắt đầu hoạt động năm 2000, gồm có năm khối chức năng cơ bản và một khối chức năng bổ sung (thương

mại). Năm 2018, theo thống kê có 327 trung tâm trong toàn Nga. Số lượng nhiều nhất (42) thuộc về thành phố Krasnoyarsk - thành phố đứng thứ 12 trong danh sách các thành phố lớn nhất của Liên bang (dân số hơn 1 triệu người). Trong khi đó, Thủ đô Moskva là thành phố lớn nhất nước, đông dân nhất nước (hơn 12 triệu người) có tổng cộng 40 trung tâm. Tỷ lệ dân số thành thị của Nga 73,9%. Như vậy, số lượng trung tâm chăm sóc sức khỏe không phụ thuộc vào quy mô và dân số của thành phố.

Về nguyên tắc, các trung tâm ở khu vực trung tâm thành phố cung cấp nhiều loại dịch vụ, có thành phần khác nhau của các khối chức năng, đặc trưng bởi giải pháp quy hoạch hình khối phi chuẩn. Ví dụ: câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe Chistye Prudy ở Moskva là một tòa nhà có khối tích thiếu cân xứng, vận dụng nhiều yếu tố cả cổ điển (cột, cổng vòm, mặt tiền, tường bao) và hiện đại (mặt tiền lắp kính dày đặc, các vật liệu gia công và các hệ thống kỹ thuật mới nhất) trong tạo hình. Đây là một câu lạc bộ khép kín, sang trọng và chỉ chứa các khối chức năng cơ bản.

Wellness club tại Ekaterinburg có vị trí giữa thành phố, chiếm trọn tầng 11 một trung tâm đa năng. Vị trí trên cao và lắp kính toàn bộ các mặt dựng mang lại tầm nhìn ấn tượng bức tranh toàn cảnh thành phố. Trong tòa nhà cũng có khách sạn và văn phòng, với lượng khách và nhân viên là đối tượng mục tiêu của câu lạc bộ.

Ở vùng ven đô, đời sống văn hóa xã hội tập trung tại các trung tâm giải trí đa năng. Với cách bố trí này, các trung tâm chăm sóc sức khỏe ngoài các khối cơ bản còn có các khối bổ trợ: triển lãm - truyền thông, thương mại. Các trung tâm hoặc riêng biệt, độc lập, hoặc được tích hợp vào các tòa nhà chung cư. Ví dụ trung tâm Kristall ở Krasnodar. Tòa chung cư trên phố Sormovskaya gồm ba khối, một trong số đó có chứa Kristall, mục tiêu hoạt động chính là người dân của tòa nhà và những ngôi nhà quanh đó.

Các trung tâm chăm sóc sức khỏe nằm ở khu vực ngoại ô thường có thành phần chức

năng đa dạng nhất, ngoài những khối cơ bản còn có khối thương mại, trung bày - truyền thông và khách sạn. Triết lý về lối sống lành mạnh ở đây được vận dụng tối đa - không khí sạch, môi trường tự nhiên xung quanh góp phần tăng hiệu quả tâm lý và thẩm mỹ tối đa khi đến với trung tâm. Những đặc điểm này rất dễ thấy tại Green Wood ở ngoại ô Novosibirsk. Các tòa nhà bằng gỗ có mái dốc hai bên, mật độ lắp kính dày đặc nằm bên bờ hồ nước Novosibirsk, được bao quanh bởi rừng thông ngút ngàn. Phong cách nhà ngoại ô châu Âu (nhà gỗ kiểu Áo) sử dụng các giàn gỗ dán nhiều lớp được lưu giữ. Tổ hợp cách trung tâm thành phố khoảng 30 phút đi xe, có chức năng chẩn đoán, chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, thể thao, giải trí, thương mại và dịch vụ ăn uống công cộng.

Tiến theo trào lưu chung của thế giới, Liên bang Nga hiện nay đang tích cực áp dụng những quan niệm tiến bộ có giá trị toàn cầu liên quan tới lối sống lành mạnh. Có thể thấy năm xu hướng phát triển của các trung tâm chăm sóc sức khỏe của Nga.

Xu hướng đầu tiên: số lượng của các dự án trung tâm chăm sóc sức khỏe đã được lập kế hoạch và được thực hiện ở Nga đang gia tăng. Ngành công nghiệp chăm sóc sức khỏe đã ổn định vị trí tại Nga và đang tích cực phát triển. Hiện Nga có hơn 327 câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe đang hoạt động tại 27 thành phố lớn nhất. Tuy nhiên, cho tới nay, Nga vẫn chưa có tiêu chuẩn thiết kế cho loại hình công trình này.

Xu hướng thứ hai: gia tăng số lượng các trung tâm chăm sóc sức khỏe với các giải pháp kiến trúc riêng lẻ. Xu hướng này khẳng định sự thành công của các trung tâm chăm sóc sức khỏe như một loại công trình mới thu hút vốn đầu tư, và khẳng định nhu cầu thực tế đang tăng cao đối với loại công trình này.

Xu hướng thứ ba: gia tăng số lượng không gian không có trụ đỡ bên trong các tòa nhà và các khu vực mở liền kề của các trung tâm chăm

sức khỏe. Khí hậu của Nga đòi hỏi bảo vệ con người trước môi trường xung quanh do thời gian lạnh giá trong năm kéo dài. Đặc điểm thiết kế của các công trình là các gallery kéo dài, các sảnh vòm nhiều tầng và vườn mùa đông có mái che tạo hiệu ứng tầng không gian, được hỗ trợ bởi việc sử dụng các vật liệu trong suốt của các kết cấu bao che.

Xu hướng thứ tư: tăng cường kết nối các giải pháp kiến trúc với môi trường nhờ cấu trúc quy hoạch hình khối, đảm bảo kết hợp các yếu tố tự nhiên trong khối tích công trình. Giao hòa với thiên nhiên, liên kết giữa môi trường nhân tạo và môi trường tự nhiên là một điểm quan trọng trong quan niệm về sức khỏe con người. Xu hướng này tạo cơ hội để kiến trúc sư và nhà thiết kế cảnh quan hợp tác với nhau.

Xu hướng phổ biến thực phẩm hữu cơ đưa đến sự xuất hiện của một khu vực chức năng mới: khu canh nông hay trang trại đô thị, nơi sản xuất trái cây, rau hữu cơ tươi, đồng thời tiến hành các chương trình giáo dục để nâng cao kiến thức canh nông. Thực hành tham gia các hoạt động nông nghiệp là một cách thư giãn tâm lý rất hiệu quả và phục hồi mối quan hệ với

thiên nhiên. Để tạo sự thoải mái hơn về mặt tâm lý cho du khách và tăng cường kết nối với môi trường, các trung tâm chăm sóc sức khỏe giới hạn chiều cao ở ba tầng; các yếu tố như sảnh vòm, sân thượng, mái nhà xanh được sử dụng tối đa.

Nghiên cứu cho thấy Mỹ có số lượng trung tâm chăm sóc sức khỏe nhiều nhất; vị trí thứ hai thuộc về các nước EU; ít nhất là ở Mỹ Latinh và châu Phi. Tình hình kinh tế bất ổn, áp lực xã hội và mức sống thấp của đại bộ phận dân số ở các khu vực này là rào cản đối với sự phát triển của ngành chăm sóc sức khỏe.

Thời gian gần đây, Nga đã bắt đầu quan tâm tới lĩnh vực thiết kế các trung tâm chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng và khối lượng xây dựng đang tăng lên cũng là tín hiệu tốt đối với triển vọng phát triển của các trung tâm chăm sóc sức khỏe tại Liên bang Nga.

N.Stroeva

*Tạp chí Architecture & Modern
Informations Technologies tháng 3/2019*

ND: Lê Minh

HỘI THẢO “ÁP DỤNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA QCVN 06:2020/BXD VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ, CÔNG TRÌNH; QCVN 04:2019/BXD NHÀ CHUNG CƯ VÀ CÁC QCVN LIÊN QUAN KHÁC”

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2020



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại hội thảo



Toàn cảnh hội thảo